

## HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CÁC TÍNH NĂNG TRÊN PHẦN MỀM EXIM

(Áp dụng để lập báo cáo theo TT39/2018)

### 1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ PHẦN MỀM EXIM

#### 1.1 Giới thiệu chung

- Cuối mỗi năm tài chính song song với việc lập báo cáo tài chính theo Thông tư 200/133, thì doanh nghiệp sản xuất xuất khẩu, gia công, doanh nghiệp chế xuất còn lập báo cáo quyết toán theo TT39/2018/TT-BTC để nộp cho cơ quan hải quan. Với mục đích tạo ra một công cụ hỗ trợ công tác lập báo cáo quyết toán, chúng tôi đã viết ra Phần mềm Exim.
- Ngoài việc lập BCQT, phần mềm Exim còn được sử dụng để quản lý kho, quản lý hoạt động sản xuất hoặc kết hợp với các module của phần mềm kế toán, phần mềm ERP.

#### 1.2 Các điểm nổi bật

##### ❖ Tính năng quản lý kho chuyên dụng

##### - Hệ thống mã nguyên phụ liệu, thành phẩm

- + Sử dụng quản lý theo nhiều hệ thống mã: Mã nội bộ, Mã khai báo trên tờ khai hải quan, HS Code.
- + Có khả năng tích hợp thêm Bar code, QR code.

##### - Quản lý nhập xuất tồn

- + Nhập – xuất kho theo mã loại hình xuất nhập khẩu.
- + Có thể nhập – xuất theo nhiều đơn vị tính trong thực tế.
- + Quản lý theo lô – từng lần nhập, hình ảnh vật tư và vị trí trong kho.

##### ❖ Lập và giải trình báo cáo quyết toán

##### - Báo cáo quyết toán theo Thông tư 39/2018/TT-BTC:

- + Tự động lên biểu mẫu 15, biểu mẫu 15a: Nhập – xuất – tồn kho Nguyên phụ liệu và thành phẩm theo mã loại hình.
- + Tính định mức thực tế của thành phẩm, lập biểu mẫu 16.

##### ❖ Giải trình Báo cáo quyết toán

Lập các báo cáo, file dữ liệu phục vụ giải trình báo cáo quyết toán.

❖ **Triển khai giải pháp và hỗ trợ sử dụng**

- **Thiết lập hệ thống quản lý kho ban đầu**

+ Chuẩn hóa hệ thống mã, quy tắc đặt mã trong quản lý kho tại doanh nghiệp.

+ Hướng dẫn bộ phận xuất nhập khẩu, kế toán, kho sử dụng phần mềm Exim trên thực tế tại doanh nghiệp.

- **Hỗ trợ sử dụng**

+ Cung cấp dịch vụ bảo hành bảo trì trong suốt quá trình sử dụng.

+ Tư vấn giải trình báo cáo quyết toán.

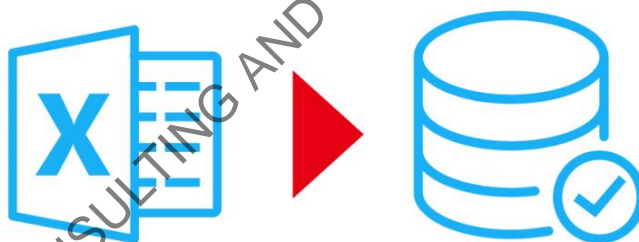
❖ **Chuyển đổi dữ liệu từ phần mềm khác**

- **Kết nối trực tiếp dữ liệu**

Exim có thể kết nối lấy dữ liệu trực tiếp từ phần mềm kế toán, kho, ERP... tại doanh nghiệp đang sử dụng.

- **Nhập dữ liệu từ excel**

Với các trường hợp khác, doanh nghiệp có thể sử dụng file excel mẫu để đưa dữ liệu vào phần mềm một cách dễ dàng và nhanh chóng.



❖ **Ứng dụng Công nghệ và Bảo mật**

- **Công nghệ điện toán đám mây**

+ Giúp việc tính toán nhanh, áp dụng tốt cho các doanh nghiệp có lượng chứng từ lớn

+ Sử dụng Online mọi lúc, mọi nơi.

- **Bảo mật**

+ Mã hóa dữ liệu SHA-2

+ Bảo mật SSL, phân quyền IP, session, work-time.



## ❖ Giao diện chung chương trình



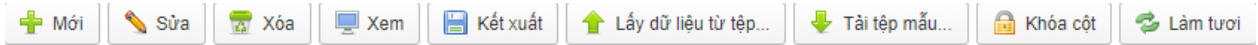
### MỤC LỤC CÁC NỘI DUNG TIẾP THEO

STT	Nội dung	Trang
1	Giới thiệu chung về phần mềm EXIM	1
2	Xây dựng hệ thống danh mục	4
3	Nhập liệu số dư tồn kho và dở dang	14
4	Nhập liệu các phát sinh	19
5	Hệ thống báo cáo	34

## 2. XÂY DỰNG HỆ THỐNG DANH MỤC

### 2.1 Một số phím chức năng

- Thanh công cụ đối với danh mục :



- Thanh công cụ đối với chứng từ

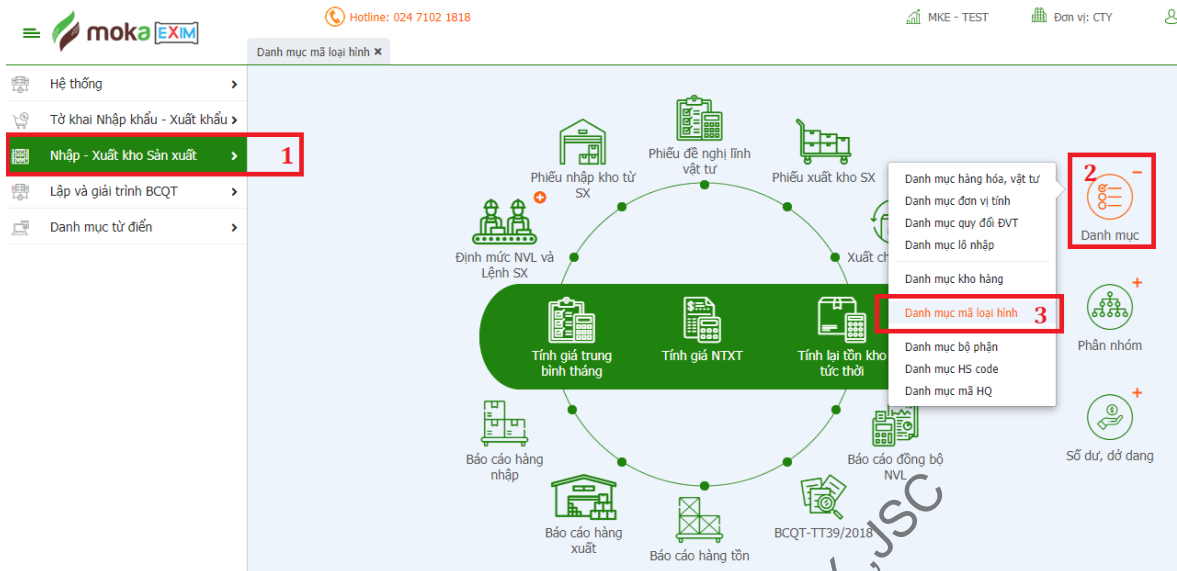


- Một số phím chức năng

- + Nút “Mới”: Dùng để thêm mới đối tượng ( kho, hàng hóa, khách hàng..) → phím tắt sử dụng : Ctrl + Insert
- + Nút “Sửa”: Dùng để sửa đối tượng ( Phím tắt sử dụng : Ctrl + E)
- + Nút “Xóa”: Dùng để xóa đối tượng ( Phím tắt : Ctrl + Delete)
- + Nút “Xem: Dùng để hiển thị thông tin của đối tượng
- + Nút “Kết xuất” để xuất ra excel ( file.xlsx)
- + Nút “Tải tệp mẫu”: Tải file excel mẫu từ phần mềm về máy tính để import từ excel
- + Nút “Lấy dữ liệu từ tệp”: Up dữ liệu từ file excel lên phần mềm
- + Nút “Khóa cột”: Cố định các cột như excel
- + Nút “Làm tươi”: Làm mới dữ liệu ( Khi các máy khác đã thêm các đối tượng)
- + Nút “ Bản sao”: Dùng để copy chứng từ.

### 2.2 Danh mục mã loại hình nhập xuất (nguồn NVL)

- Mục đích: Xây dựng, theo dõi kho theo các mục đích
- Đường dẫn: **Nhập – Xuất kho Sản xuất/Danh mục/Danh mục mã loại hình**



+ Hiện tại cơ bản bên phần mềm đã xây dựng sẵn có để sử dụng

+ Khi phát sinh thêm mới loại hình khác → Người dùng sẽ thêm tại đây.

Mã nhập xuất	Tên nhập xuất	Loại NX
E11	Nhập nguyên liệu của DNCX từ nước ngoài	N
E13	Nhập tạo tài sản cố định của DNCX	N
E15	Nhập nguyên liệu của DNCX từ nội địa	N
E21	Nhập nguyên liệu để gia công cho thương nhân nước ngoài	N
E23	Nhập nguyên liệu gia công từ hợp đồng khác chuyển sang	N
E31	Nhập nguyên liệu sản xuất xuất khẩu	N
E33	Nhập nguyên liệu vào kho bảo thuế	N

- Thao tác

+ Sử dụng các phím chức năng của phần mềm (mới, sửa..)

**Sửa thông tin nhập xuất/lý do** ✕

Mã nhập xuất: E21

Tên nhập xuất: Nhập nguyên liệu để gia công cho thương nhân nước ngoài

Tên khác: Nhập nguyên liệu để gia công cho thương nhân nước ngoài

Tài khoản: 3312 Q Phải trả người bán (USD)

Nhập xuất: N N - Nhập, X - Xuất

Trạng thái: 1 1 - Còn sử dụng, 0 - Không còn sử dụng

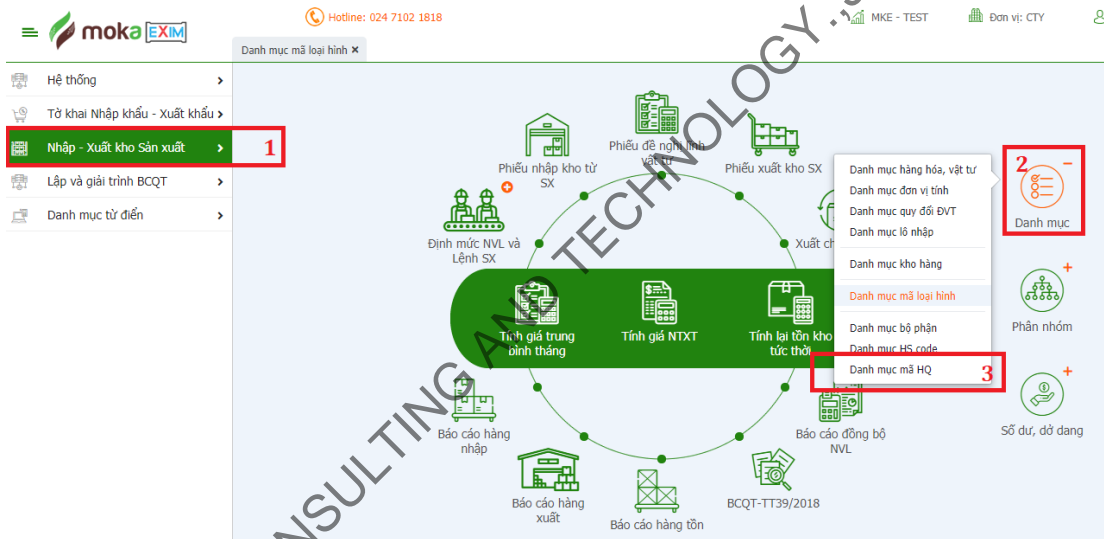
✔ Lưu
🗑 Xóa
🚫 Hủy
ℹ
←
→

+ Một số thông tin chú ý

- Mã nhập xuất: mã loại hình
- Tên nhập xuất: tên loại hình
- Tên khác: tên tiếng anh
- Tài khoản (mapping với hệ thống kế toán nếu có)
- Nhập/xuất: Phân loại nhập xuất
- Trạng thái: trạng thái sử dụng của mã.

### 2.3 Danh mục mã hải quan

- Mục đích khai báo: Khai báo các mã đã khai trên tờ khai với Hải quan
- Đường dẫn khai báo: **Nhập – Xuất kho Sản xuất/Danh mục / Danh mục mã HQ**



+ Màn hình khai báo

**Sửa Mã theo HQ**

Mã HQ: 1324-35-1  
Tên HQ: Vải dệt 65% polyester 35% cotton khổ 92 cm(134g/m)  
Tên khác: X2-1324-35-1

**Thông tin chính** | Khác

Ngày ban hành	/ /	Đvt	
Theo dõi số dư	0 1 - Có, 0 - Không		
Mã nt	VND	Đồng Việt Nam	
Tiền ngoại tệ	0.00	Tiền hạch toán	0
Ngày hiệu lực	/ /	Ngày kết thúc	/ /
Mã HQ mẹ			
Nơi phát hành	DT002	Tổng cục Hải Quan Việt Nam	
Nhân viên	KD0001	Nguyễn Văn Thắng	
Bộ phận	X1	Xưởng may X1 - Công ty CP May	

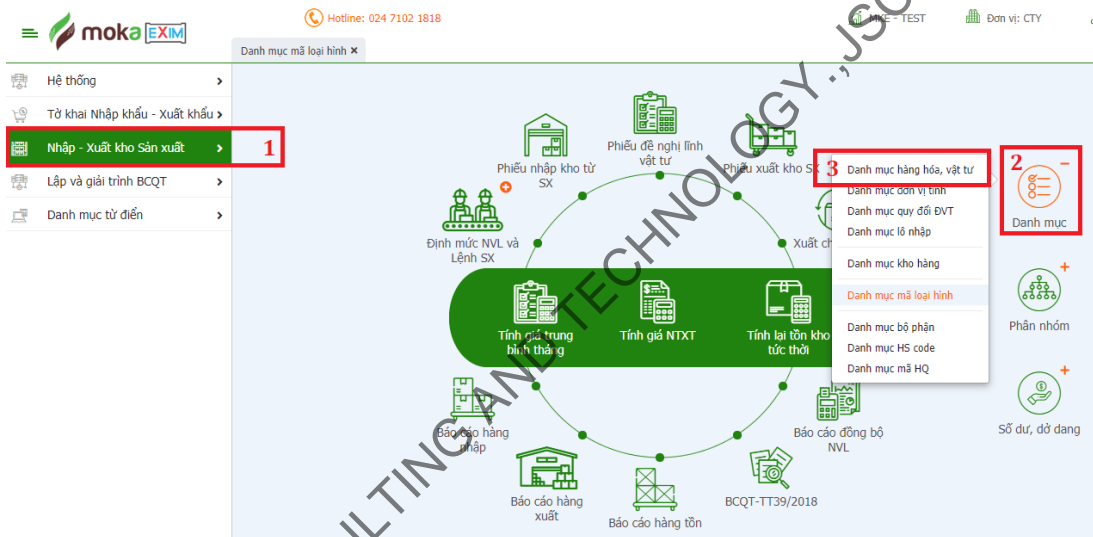
Lưu  Xóa  Hủy

+ Thông tin

- Mã HQ: mã đối tượng đã đăng ký với cơ quan Hải Quan
- Tên HQ, Tên khác: tên tiếng anh và tiếng việt của mã hải quan
- Nơi phát hành: chọn từ danh mục khách hàng
- Bộ phận: nơi sản xuất ( phân xưởng, xưởng).

**2.4 Danh mục hàng hóa vật tư, phân loại hàng hóa vật tư**

- Mục đích khai báo: Khai báo các đối tượng ( nguyên liệu, phụ liệu, sản phẩm, hàng hóa, công cụ, phụ tùng..)
- Đường dẫn khai báo: **Nhập – Xuất kho Sản xuất/Danh mục /Danh mục hàng hóa vật tư**



Cập nhật hàng hóa, vật tư: thêm, sửa, xóa...

+ Mới
Sửa
Xóa
Xem
Kết xuất
Lấy dữ liệu từ tệp...
Tải tệp mẫu...
Khóa cột
Làm tươi

Mã hàng	Mã TCT	Mã HQ	Tên vật tư	Tên theo TCT	Đvt
X2-YE3636-1	X2-YE3636-1	YE3636-1	Mex khổ 104 cm(147g/m)	Mex khổ 104 cm(147g/m)	Mét
X2-VC50-1	X2-VC50-1	VC50-1	Vải thành phẩm từ len 50%, polyester 50% k	Vải thành phẩm từ len 50%, polyeste	Mét
X2-VC-N10651	X2-VC-N10651	VC-N10651	Vải nhuộm dệt vân treó từ 100% polyester kh	Vải nhuộm dệt vân treó từ 100% poly	Mét
X2-VC-1297NSA	X2-VC-1297NSA	VC-1297NSA	Vải nhuộm dệt thời từ len 99%, nylon 1% kh	Vải nhuộm dệt thời từ len 99%, nylon	Mét
X2-V1532950	X2-V1532950	V1532950	Bộ Veston nam 02 quần, vải dệt thời từ len 50'	Bộ Veston nam 02 quần, vải dệt thời	Bộ
X2-TY50	X2-TY50	TY50	Vải dệt 100% polyester khổ 150 cm(74g/m)	Vải dệt 100% polyester khổ 150 cm	Mét
X2-TW30	X2-TW30	TW30	Mex khổ 153cm(35g/m)	Mex khổ 153cm(35g/m)	Mét
X2-TT528	X2-TT528	TT528	Mex khổ 150cm(49g/m2)	Mex khổ 150cm(49g/m2)	Mét
X2-TPE	X2-TPE	TPE	Túi PE	Túi PE	Chiếc
X2-TK8608B/22	X2-TK8608B/22	TK8608B/22	Băng dệt	Băng dệt	Mét

- Chú ý khai báo

## + Màn hình khai báo

Mã vật tư	X2-VC-1297NSA	Mã TCT	X2-VC-1297NSA
Tên vật tư	Vải nhuộm dệt thoi từ len 99%, nylon 1% khổ 156cm (320g/m)		
Tên khác (tên TCT)	Vải nhuộm dệt thoi từ len 99%, nylon 1% khổ 156cm (320g/m)		

Thông tin chính		Tài khoản	Lô	Khác
Đơn vị tính	Mét	<input type="checkbox"/>	Nhiều đvt	
<input checked="" type="checkbox"/> Theo dõi tồn kho	<input type="checkbox"/> Theo dõi lô	<input type="checkbox"/>	Theo dõi kiểm kê	
Cách tính giá tồn kho	Giá trung bình			
Loại vật tư	21	Vật tư		
Nhóm vật tư 1	NPL	Phụ liệu		
Nhóm vật tư 2	PL	Phụ liệu		
Nhóm vật tư 3				
Mã HQ	VC-1297NSA	Vải nhuộm dệt thoi từ len 99%, nylon 1% khổ 156cm (3		
Mã kho	KNLGC	Kho nguyên liệu gia công ( Nhà gia công )		
Mã vị trí				
Thuế giá trị gia tăng	KT	Hàng hoá, dịch vụ không chịu thuế GTGT		
Thuế nhập khẩu	KT	Hàng hoá, dịch vụ không chịu thuế nhập khẩu		

## + Chú ý thông tin

- Mã vật tư: mã vật tư kế toán/kho
- Mã TCT: mã của công ty mẹ ( nếu có)
- Tên vật tư, tên khác: tên mô tả và tên theo công ty mẹ ( nếu có)
- Đvt: chọn trong danh sách đơn vị đã khai báo
- Theo dõi tồn kho, lô, kiểm kê, nhiều đvt: tùy chọn theo dõi tồn kho ( bắt buộc), các tùy chọn khác ( tùy thuộc vào mục đích và sử dụng)
- Loại vật tư ( bắt buộc): chọn trong danh mục
- Nhóm 1,2,3: tùy theo phân loại ( để nhóm lên báo cáo tồn kho)
- Mã HQ: điền mã HQ ( lấy từ danh mục mã HQ) , đối với trường hợp 1 mã kế toán tương ứng với 1 mã HQ, trường hợp nhiều mã kế toán tương ứng với 1 mã HQ → điền mục này ( còn TH còn lại → tại đây chỉ ngầm định → trên các chứng từ sẽ quyết định)
- Mã kho, mã vị trí: mã ngầm định khi thao tác mã
- Thuế GTGT, thuế NK: ngầm định để xử lý lên kế toán
- Tab tài khoản: tự xử lý ngầm định khi tạo mã và để đồng bộ lên kế toán nếu có dùng riêng đối với phần mềm kế toán.

## 2.5 Danh mục kho

- Mục đích: Khai báo các kho để phân loại theo dõi
- Đường dẫn: **Nhập – Xuất kho Sản xuất/Danh mục /Danh mục kho hàng**

Cập nhật kho hàng: thêm (Ctrl + Insert), sửa (Ctrl + E), xóa (Ctrl + Delete)

+ Mới
Sửa
Xóa
Xem
Kết xuất
Khóa cột
Làm tươi

Đơn vị	Mã kho	Tên kho
X1	KHOND	Kho nguyên liệu nội địa
X1	KNLGC	Kho nguyên liệu gia công ( Nhà gia công)
X1	KTPGC	Kho thành phẩm gia công
X1	KTPND	Kho TP nội địa
X1	KTPXK	Kho thành phẩm XK
X1	NKK	Kho nguyên liệu nhập khẩu khác
X1	NKKHAC	Kho nguyên liệu khác
X1	NLSXXK	Kho NVL sản xuất hàng XK
X1	TPSXXK	Kho thành phẩm SXXK

**Sửa kho hàng**

Đơn vị: X1 Q CÔNG TY TNHH CP GIẢI PHÁP CÔNG NGHỆ MOKA

Mã kho: KTPGC

Tên kho: Kho thành phẩm gia công

Thủ kho: Nguyễn Thị Kim Cương

Đại lý:

Nhóm kho: Q

Ghi chú: \_\_\_\_\_

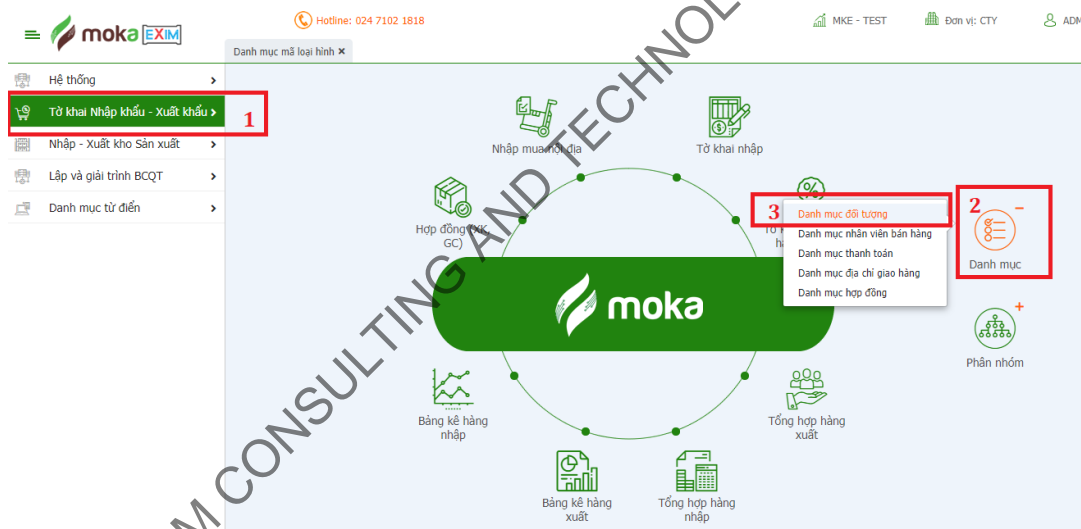
Trạng thái: 1 1 - Còn sử dụng, 0 - Không còn sử dụng

✓ Lưu
Xóa
Hủy

- Chú ý khai báo
  - o Mã kho: Mã hiệu của kho
  - o Tên kho: tên mô tả kho
  - o Thủ kho: Tên thủ kho ngằm định
  - o Đại lý: thuộc tỉnh của kho
  - o Nhóm kho: phân loại theo đặc tính của kho
  - o Ghi chú: chú ý khác
  - o Trạng thái: 1-sử dụng, 0 – Không sử dụng → khi nào ko dùng → NSD chuyển trạng thái để khi nhập liệu sẽ không hiện lên nữa.

## 2.6 Danh mục đối tượng

- Mục đích khai báo: Khai báo các đối tượng : Nhà cung cấp, khách hàng, nhân viên...
- Đường dẫn khai báo: **Tờ khai nhập khẩu – XK / Danh mục / Danh mục đối tượng**



Cập nhật khách hàng: thêm, sửa, xóa...

Mã khách	Tên khách hàng	Địa chỉ
DT001	Xưởng hoàn thành	Xưởng 2
DT002	Tổng cục Hải Quan Việt Nam	
DT003	Xưởng khâu tay	
DT004	Xưởng khâu tay	Xưởng 2
DT005	Kho Thành Phẩm	Xưởng 1
DT006	Kho kiểm hàng	Xưởng 2
DT007	.	
DT008	Kho thành phẩm	Xưởng 2
DT009	Công ty TNHH MTV Phụ Liệu May Mặc MT	Thành phố Hồ Chí Minh
DT010	Nhà Cắt	Xưởng 1
DT011	Tổ phụ liệu	Xưởng 2

Mã khách	DT009		
Tên khách hàng	Công ty TNHH MTV Phụ Liệu May Mặc MT		
Tên khác	MT Co., LTD		
Địa chỉ	Thành phố Hồ Chí Minh		
Mã số thuế	0312472093		
Đối tác	MT Co., LTD	Nv bán hàng	<input type="text"/>
Tài khoản ngầm định	3312 <input type="text"/>	Mã thanh toán	<input type="text"/>
Giới hạn tiền nợ	0	Đến ngày	// <input type="text"/>
	Khách hàng <input checked="" type="checkbox"/>	Nhà cung cấp <input checked="" type="checkbox"/>	Nhân viên <input checked="" type="checkbox"/>
Nhóm 1, 2, 3	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>
Nhóm khách tính giá	<input type="text"/>		
Điện thoại		Số gửi bản sao (Fax)	<input type="text"/>
Thư (Email), trang chỉ	<input type="text"/>		
Tài khoản ngân hàng	<input type="text"/>	Tên ngân hàng	<input type="text"/>
		Tỉnh thành	<input type="text"/>

- **Chú ý khai báo**

- + Mã khách: mã của đối tượng ( khách hàng, ncc, nhân viên..)
- + Tên khách hàng, tên khác: tên và tên tiếng anh của đối tượng
- + Địa chỉ: Địa chỉ đối tượng
- + Mã số thuế
- + Đối tác: người đại diện
- + Thuộc tính: Khách hàng/nhà cung cấp/nhân viên
- + Nhóm 1,2,3: phân loại đối tượng
- + Điện thoại, email,số fax, ngân hàng: thông tin thêm của đối tượng

**2.7 Danh mục nghiệp vụ**

- Mục đích khai báo: phân loại nghiệp vụ để lập lên báo cáo theo TT39/2018
- Đường dẫn khai báo: **Lập và giải trình BCQT / Danh mục / Danh mục nghiệp vụ**



- Danh mục

Cập nhật nghiệp vụ: thêm (Ctrl + Insert), sửa (Ctrl + E), xóa (Ctrl + Delete)

+ Mới
Sửa
Xóa
Xem
Kết xuất
Khóa cột
Làm tươi

Mã nghiệp vụ	Tên nghiệp vụ	Loại:1-N,2-X
SP_E52_8B	Xuất kho sản phẩm GC đăng ký TKHQ năm nay- Loại hình E52	2
SP_E56_8A	Xuất kho sản phẩm GC để giao nội địa đăng ký TKHQ năm trước - Loại hình E56	2
SP_E56_8B	Xuất kho sản phẩm GC để giao nội địa đăng ký TKHQ năm nay - Loại hình E56	2
SP_E62_8A	Xuất kho SP để XK - loại hình E62 - TKHQ đăng ký(mở) năm trước	2
SP_E62_8B	Xuất kho SP để XK - loại hình E62 - TKHQ đăng ký(mở) năm nay	2
SP_GCL_6C	Sản phẩm GC nhập lại kho thành phẩm	1
SP_KHAC_9A	Xuất kho SP để XK chưa đăng ký (mở) TKHQ	2

- Chi tiết

Mã nghiệp vụ: SPHT\_6A  
 Tên nghiệp vụ: Sản phẩm SXXK, GC hoàn thành nhập kho thành phẩm  
 Tên nghiệp vụ 2:

Thông tin chính | Thông tin lãi suất | Khác

Ngày: //    Số nghiệp vụ: SPHT-6A

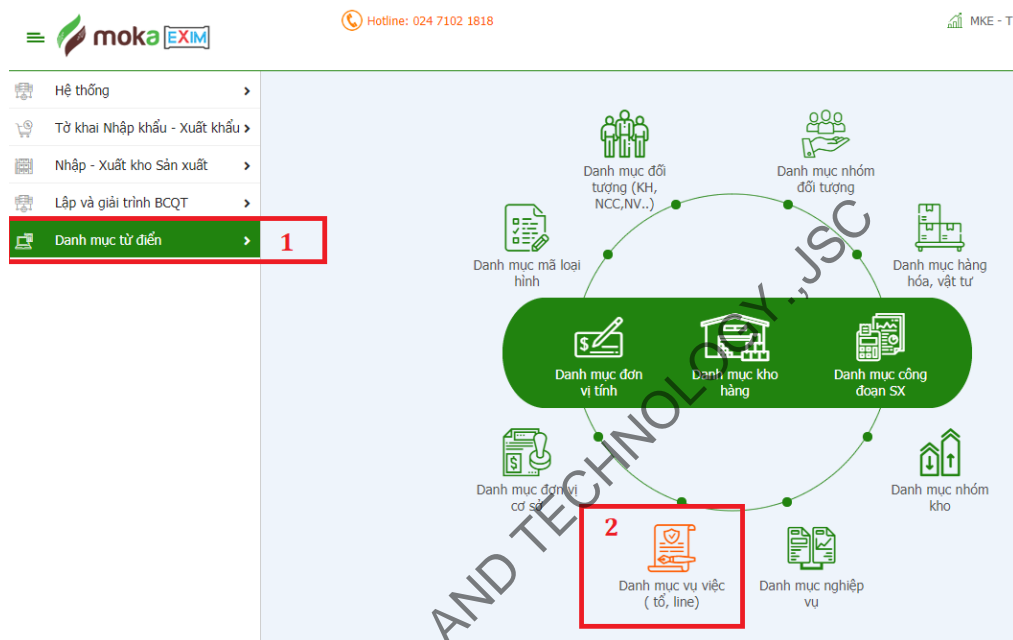
- Chú ý thao tác ( chỉ cần khai báo 02 thông tin mã và tên nghiệp vụ)

+ Mã nghiệp vụ: mã hóa theo nghiệp vụ

+ Tên nghiệp vụ, tên nghiệp vụ 2: tên tiếng việt và tên tiếng anh của nghiệp vụ

## 2.8 Danh mục tổ, chuyền

- Mục đích: khai báo các tổ, dây chuyền trong nhà máy ( phục vụ thống kê sản lượng, tra cứu giao dịch..) → hiện đang sử dụng 01 danh mục ( danh mục vụ việc, sự vụ ) để làm danh mục này
- Đường dẫn: **Danh mục từ điển/Danh mục tổ sản xuất**



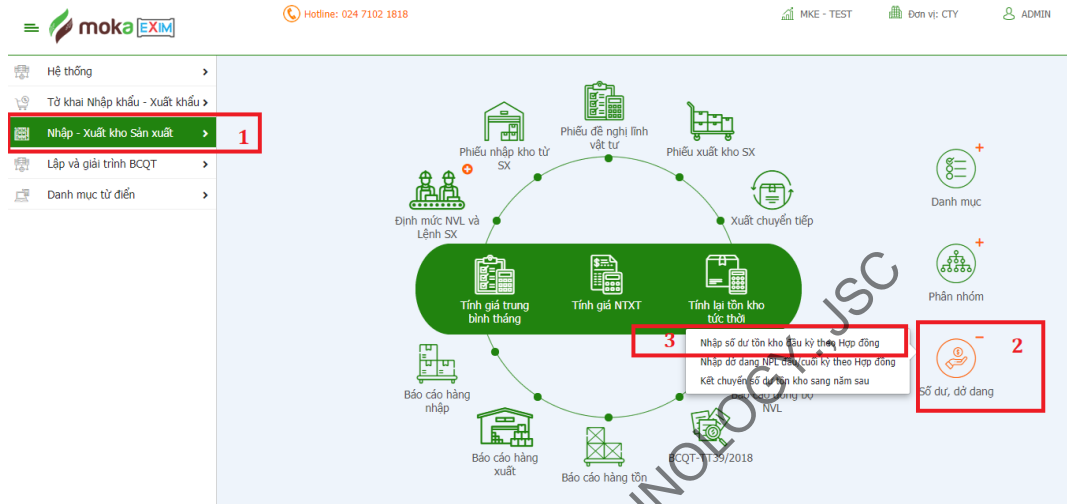
Mã vụ việc	L1T01		
Tên vụ việc	Dây chuyền 1 - Tổ 1		
Tên khác			
<b>Thông tin chính</b> Khác			
Ngày vụ việc	/ /		Số vụ việc
Theo dõi số dư	0 1 - Có, 0 - Không		
Mã ht	USD	Đô la Mỹ	
Tiền ngoại tệ	0.00		Tiền hạch toán
Ngày bắt đầu	/ /		Ngày kết thúc
Mã vụ việc mẹ			
Khách hàng	L1T009	Công ty TNHH MTV Phụ Liệu May Mặc MT	
Nhân viên			
Bộ phận	X1	Xưởng may X1 - Công ty CP May	

- Chú ý khai báo
  - + Mã vụ việc: mã tổ / chuyền
  - + Tên vụ việc, tên vụ việc 2 : tên và tên tiếng anh của tổ
  - + Khách hàng: Đơn vị
  - + Bộ phận: xưởng, nhà máy.

### 3. NHẬP LIỆU SỐ DƯ TÒN KHO VÀ DỮ DẠNG

#### 3.1 Số dư tồn kho đầu kỳ theo hợp đồng

- Đường dẫn khai báo: **Nhập – Xuất kho SX / Số dư, dữ dạng / Nhập số dư tồn kho đầu kỳ theo hợp đồng**



- Số dư đầu kỳ

Cập nhật thông tin: thêm (Ctrl + Insert), sửa (Ctrl + E), xóa (Ctrl + Delete)

Năm	Mã hợp đồng	Mã kho	Mã vật tư	Tên vật tư	Dvt	Mã lô	Mã nx	Mã HQ	Tồn đầu
2018	871-APSF-K1802	NLSXXK	X1-1-140135	1-140135#&Vải chính len 95% Mohai	Mét	A31		1190K220-1	200.00
2018	871-APSF-K1802	NLSXXK	X1-1-140135	1-140135#&Vải chính len 95% Mohai	Mét	A41		1190K220-1	200.00
2018	871-APSF-K1802	NLSXXK	X1-1-140135	1-140135#&Vải chính len 95% Mohai	Mét	A42		1190K220-1	200.00
2018	871-PHUS-T1952	KNLGC	X2-2001B/15	Băng dệt	Mét	E21		2001B/15	32.55
2018	871-PHUS-T1952	KNLGC	X2-2100/33/53	Dụng cụ	Mét	E21		2100/33/53	89.19
2018	871-PHUS-T1952	KNLGC	X2-3244-1	Vải lót 100% cotton khổ 106 cm(91g)	Mét	E21		3244-1	1.02
2018	871-PHUS-T1952	KNLGC	X2-4/700	Chỉ khâu	Mét	E21		4/700	119.78
2018	871-PHUS-T1952	KNLGC	X2-400	Vải dụng tơ nhân tạo 43% cotton 28'	Mét	E21		400	60.50
2018	871-PHUS-T1952	KNLGC	X2-55/1000A	Mex khổ 92cm(37g/m2)	Mét	E21		55/1000A	1.02
2018	871-PHUS-T1952	KNLGC	X2-55/2100A	Mex khổ 92cm(49g/m2)	Mét	E21		55/2100A	0.15
2018	871-PHUS-T1952	KNLGC	X2-5850HBT/15	Băng không dệt	Mét	E21		5850HBT/15	32.55
2018	871-PHUS-T1952	KNLGC	X2-600/15	Băng không dệt	Mét	E21		600/15	39.71
2018	871-PHUS-T1952	KNLGC	X2-77	Vải lót ni 55% len, tơ nhân tạo 45%	Mét	E21		77	6.13

- Màn hình chi tiết

Sửa tồn kho đầu kỳ	
Năm	2018
Mã hợp đồng	871-PHUS-T1:Q Gia công 7.500 bộ veston cho hợp đồng 871-PHUS-T195.
Mã kho	KNLGC Q Kho nguyên liệu gia công ( Nhà gia công)
Mã vật tư	X2-400 Q Vải dệt tơ nhân tạo 43% cotton 28% len/lông 29% khế
Mã lô	Q
Mã NX	E21 Q
Mã HQ	1322-35 Q Vải dệt 65% polyester 35% cotton khổ 92 cm(125g/m²)
Tồn đt	60.50
Dư đầu	0
Dư đầu ngoại tệ	0.00

- Thao tác chú ý
  - + Năm: năm tài chính báo cáo quyết toán
  - + Mã hợp đồng: hợp đồng còn dư
  - + Mã kho, mã vật tư, mã lô ( nếu có theo dõi)
  - + Mã NX: Nguồn nguyên liệu
  - + Mã HQ: mã HQ tự lấy theo mã hàng → nếu khác NSD sẽ chọn lại trong danh mục hàng hóa hải quan
  - + Tồn đầu: tồn về số lượng
  - + Dư đầu: Dư về giá trị

### 3.2 Số dư NVL dở dang theo hợp đồng

- Mục đích: Khai báo các NVL còn dở dang để lập lên báo cáo mẫu 16
- Đường dẫn: **Nhập – Xuất kho SX / Số dư, dở dang / Cập nhật số dư NVL đầu kỳ/cuối kỳ theo HĐ**

The screenshot shows the Moka ERP system interface. On the left, there is a navigation menu with the following items:
 

- Hệ thống
- Tờ khai Nhập khẩu - Xuất khẩu
- Nhập - Xuất kho Sản xuất** (highlighted with a red box and '1')
- Lập và giải trình BCQT
- Danh mục từ điển

The main dashboard area contains several icons for different functions:
 

- Định mức NVL và Lệnh SX
- Phiếu nhập kho từ SX
- Phiếu đề nghị lĩnh vật tư
- Phiếu xuất kho SX
- Xuất chuyển tiếp
- Tính giá trung bình tháng
- Tính giá NITX
- Tính lại tồn kho tức thời
- Đánh mục
- Phân nhóm
- Số dư, dở dang (highlighted with a red box and '2')

A tooltip (highlighted with a red box and '3') is displayed over the 'Số dư, dở dang' icon, containing the following text:
 

Nhập số dư tồn kho đầu kỳ theo Hợp đồng  
 Nhập số dư tồn kho đầu/cuối kỳ theo Hợp đồng  
 Kết chuyển số dư tồn kho sang năm sau

- Màn hình chi tiết

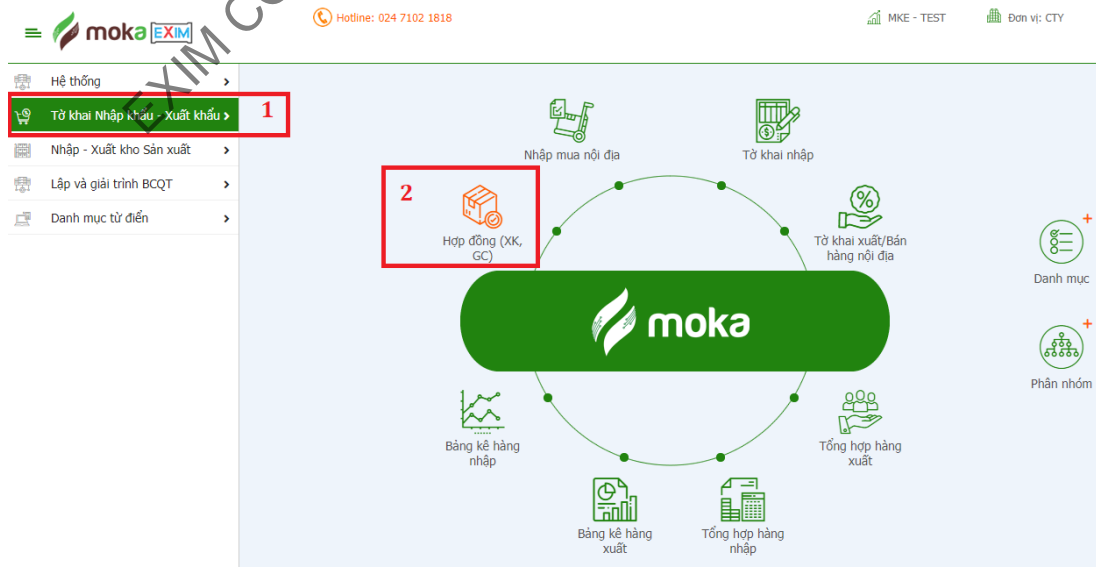
Năm	2018	
Loại	0 1 - Cập nhật cuối kỳ, 0 - Cập nhật đầu kỳ	
Mã SP	X2-CB1118200A	
Mã hợp đồng	876-RG-F8091	Gia công 2.248 bộ veston cho hợp đồng 876-RG-F8091 (
Mã NX	E21	Nhập nguyên liệu để gia công cho thương nhân nước nc
Mã kho	KNLGC	Kho nguyên liệu gia công ( Nhà gia công)
Mã vật tư	X2-1185-1	Vải lót 100% polyester khổ 150 cm(70g/m)
Mã HQ	1185-1	Vải lót 100% polyester khổ 150 cm(70g/m)
Số lượng	102.00	
Tiền	80 000	

- Chú ý thao tác

- + Năm: năm tài chính lập BCQT
- + Loại: 0 – Số đầu kỳ/ 1- Số cuối kỳ
- + Mã sản phẩm, hợp đồng: đối tượng NVL còn dở dang
- + Mã NX: nguồn NL
- + Mã Kho: loại kho dở dang
- + Mã vật tư: mã NL còn dở dang chưa sản xuất của SP
- + Mã HQ: mã HQ của NL
- + Số lượng, tiền: tồn dở dang về lượng và giá trị của NL

**3.3 Đơn hàng/hợp đồng (SXXK, Gia công)**

- Mục đích: Cập nhật các hợp đồng gia công, sản xuất hàng xuất khẩu.
- Đường dẫn: **Tờ khai Nhập khẩu – xuất khẩu / Hợp đồng (XK, GC)**



- Thao tác: Sử dụng các phím chức năng trên thanh công cụ

**Xem đơn hàng bán**

Mã khách	DT012	TEIJIN FRONTIER CO.,LTD	Số đơn hàng	DHB18/00003
Mã giao dịch	2	Hợp đồng	Số hợp đồng	876-RG-F8091
Mã thanh toán	30	Hạn thanh toán trong vòng 30 ngày	Ngày hợp đồng	26/12/2017
Thời hạn HĐ	31/12/2018		Tỷ giá	USD 21 036.00
Diễn giải	Gia công 2.248 bộ veston cho hợp đồng 876-RG-F8091 (* )		Trạng thái	1. Duyệt

Chi tiết | Thông tin giao hàng | Chi phí | Thông tin khách hàng | Khác

	Mã hàng	Mã HQ	Tên mặt hàng	Đvt	Mã kho	Số lượng	Giá bán nt	Tiền hàng nt
1	X2-CB1118200A	CB1118200A	Bộ veston nam 01 quần, Bộ		KTPGC	2 248.00	23.00	51 704.00

Tiền hàng			2 248.00	51 704.00	1 087 645 344
Tiền chiết khấu	0.00	0			
Tiền thuế				0.00	0
Chi phí	0.00	0			
Tổng cộng				51 704.00	1 087 645 344

Mới | Sửa | Xóa | Đóng

In

- Thông tin chi tiết

- + Mã khách hàng: Khách đặt sản xuất, gia công
- + Mã giao dịch: 2 ( hợp đồng ), hiện chỉ sử dụng 1 mã giao dịch này
- + Mã thanh toán: thời hạn thanh toán , chọn trong danh mục
- + Thời hạn hợp đồng
- + Diễn giải: mô tả chung của hợp đồng
- + Số đơn hàng: Sử dụng như 1 số chứng từ hay số PO của khách hàng
- + Số hợp đồng: Số hợp đồng ký giữa hai bên
- + Ngày hợp đồng: Ngày lập hợp đồng
- + Mã NT: loại tiền trên hợp đồng
- + Tỷ giá: tỷ giá ngày cập nhật hợp đồng
- + Mã hàng , tên hàng, đvt: tên theo dõi của kế toán, kho
- + Mã hải quan: mã HQ tương ứng
- + Mã kho: kho ngầm định
- + Số lượng: số lượng khách đặt g/c, sản xuất
- + Đơn giá: đơn giá gia công, đơn giá bán
- + Thành tiền: Số lượng x đơn giá
- + Tiền CK: chiết khấu (nếu có)

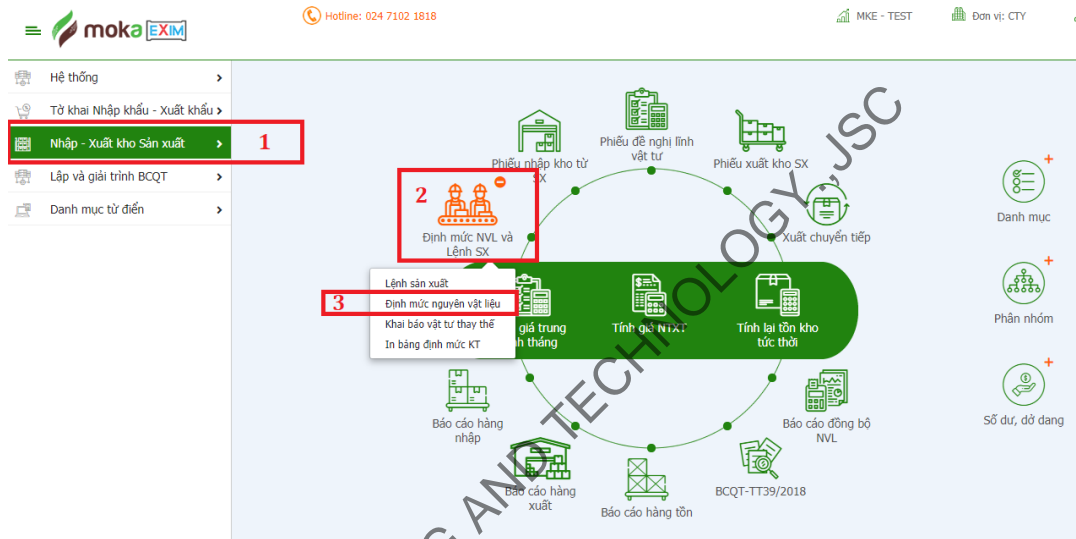
- + Thuế suất: % thuế suất
- + Tiền thuế
- + Ngày giao: ngày giao hàng dự kiến
- Thông tin giao hàng: Các thông tin này có thể bỏ qua
- Thông tin chi phí: Các thông tin này có thể bỏ qua
- Thông tin khách hàng: Các thông tin này có thể bỏ qua
- Thông tin khác: Các thông tin này có thể bỏ qua.

EXIM CONSULTING AND TECHNOLOGY JSC

## 4. NHẬP LIỆU CÁC PHÁT SINH

### 4.1 Định mức

- Mục đích :
  - + Lập 01 định mức kỹ thuật (công thức) trước khi tiến hành sản xuất hàng hoạt
  - + Căn cứ tính toán nguyên phụ liệu tổ chức sản xuất, gia công
  - + Theo dõi đồng bộ nguyên phụ liệu khi nhận NPL từ khách hàng
- Đường dẫn: **Nhập – Xuất kho SX/Định mức NVL và LSX/Định mức nguyên vật liệu**



- Danh mục định mức

Mã hợp đồng	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm	Đvt	Mã bộ phận	Tên
FM190378-0092	X2-CB1218201A	Bộ veston nam 01 quần, vải thành phẩm từ len 50% polyester 50% (PTT 10%	Bộ	X2	Xưởng may X2 - Công ty
FM190378-0091	X2-V1532950	Bộ Veston nam 02 quần, vải dệt thoi từ len 50%, polyesster 50% khổ 153cm-1	Bộ	X1	Xưởng may X1 - Công ty
876-RG-F8091	X2-CB2218203C	Bộ veston nam 02 quần, vải thành phẩm từ len 50% polyester 50% (PTT 10%	Bộ	X1	Xưởng may X1 - Công ty
876-RG-F8091	X2-CB2218202B	Bộ veston nam 02 quần, vải thành phẩm từ len 50% polyester 50% (PTT 10%	Bộ	X1	Xưởng may X1 - Công ty
876-RG-F8091	X2-CB2218201A	Bộ veston nam 02 quần, vải thành phẩm từ len 50% polyester 50% (PTT 10%	Bộ	X1	Xưởng may X1 - Công ty
876-RG-F8091	X2-CB2218200B	Bộ veston nam 02 quần, vải thành phẩm từ len 50% polyester 50% (PTT 10%	Bộ	X1	Xưởng may X1 - Công ty
876-RG-F8091	X2-CB2118203B	Bộ veston nam 02 quần, vải thành phẩm từ len 49% polyester 51% (PTT 10%	Bộ	X1	Xưởng may X1 - Công ty
876-RG-F8091	X2-CB2118202C	Bộ veston nam 02 quần, vải thành phẩm từ len 49% polyester 51% (PTT 10%	Bộ	X1	Xưởng may X1 - Công ty
876-RG-F8091	X2-CB2118201B	Bộ veston nam 02 quần, vải thành phẩm từ len 50% polyester 50% (PTT 10%	Bộ	X1	Xưởng may X1 - Công ty
876-RG-F8091	X2-CB2118200A	Bộ veston nam 02 quần, vải thành phẩm từ len 50% polyester 50% (PTT 10%	Bộ	X1	Xưởng may X1 - Công ty
876-RG-F8091	X2-CB1318200C	Bộ veston nam 01 quần, vải thành phẩm từ len 50% polyester 50% (PTT 10%	Bộ	X1	Xưởng may X1 - Công ty

- Minh họa

Sửa định mức nguyên vật liệu

Mã hợp đồng: FM190378-00 Q Khách đặt 2.450 bộ veston cho hợp đồng FM190378-0091  
Mã sản phẩm: X2-V1532950 Q Bộ Veston nam 02 quần, vải dệt thoi từ len 50%, polyesteer 50% khổ 153cm-156cm(267g/m)  
Đvt: Bộ  
Bộ phận: X1 Q Xưởng may X1 - Công ty CP May

Chi tiết

Mã hàng	Tên mặt hàng	Đvt	Mã kho	Mã NX	SL(Đ/M kỹ thuật)	(%)hao hụt	SL gồm hao hụt	Hiệu lực từ ngày	Hiệu lực đến ngày	
1	X2-VC-N10651	Vải nhuộm dệt vân treó từ 100% polyester khổ 140cm	Mét	KNLGC	E31	4.755000	0.000000	4.755000	01/01/2018	31/12/2018
2	X2-3244-1	Vải lót 100% cotton khổ 106 cm(91g/m)	Mét	KNLGC	E31	0.015700	0.000000	0.015700	01/01/2018	31/12/2018
3	X2-1102	Vải lót 100% cotton khổ 100 cm(70g/m2)	Mét	KNLGC	E31	0.009900	0.000000	0.009900	01/01/2018	31/12/2018
4	X2-TAH334	Vải lót 100% polyester khổ 144 cm(87g/m2)	Mét	KNLGC	E31	0.736000	0.000000	0.736000	01/01/2018	31/12/2018
5	X2-TA5600	Vải lót 100% polyester khổ 122cm (106g/m2)	Mét	KNLGC	E31	0.515000	0.000000	0.515000	01/01/2018	31/12/2018
6	X2-AK1219	Vải lót cupro 80% polyester 20% khổ 122 cm(67g/m2)	Mét	KNLGC	E31	0.608000	0.000000	0.608000	01/01/2018	31/12/2018
7	X2-N8270T	Vải lót 100% polyester khổ 148 cm(158g/m2)	Mét	KNLGC	E31	0.040000	0.000000	0.040000	01/01/2018	31/12/2018
8	X2-M5610WJ	Vải lót 100% polyester khổ 150 cm(85g/m2)	Mét	KNLGC	E31	1.017500	0.000000	1.017500	01/01/2018	31/12/2018
9	X2-1322-35	Vải dưng 65% polyester 35% cotton khổ 92 cm(125g/n	Mét	KNLGC	E31	0.009800	0.000000	0.009800	01/01/2018	31/12/2018
10	X2-55/1000A	Mex khổ 92cm(37g/m2)	Mét	KNLGC	A12	0.020000	0.000000	0.020000	01/01/2018	31/12/2018

Tổng cộng 85.37

- Thông tin chú ý
  - + Mã hợp đồng: Hợp đồng xuất khẩu với khách hàng
  - + Mã sản phẩm: sản phẩm xây dựng định mức
  - + Đvt: đơn vị tính sản phẩm
  - + Bộ phận: Bộ phận áp dụng định mức
  - + Mã hàng, tên hàng, đvt: thông tin nguyên liệu làm định mức ( công thức)
  - + Mã kho: mã kho ngầm định ( dùng để sử dụng trong trường hợp xuất kho tự động)
  - + Mã NX: nguồn/loại hình của nguyên liệu
  - + SL(Đ/M kỹ thuật): số lượng định mức ( số NL cần để sản xuất ra 1 đơn vị sản phẩm)
  - + % hao hụt: tỷ lệ hao hụt cho phép
  - + SL gồm hao hụt: Định mức kỹ thuật + % hao hụt
  - + Hiệu lực từ ngày, hiệu lực đến ngày: Hiệu lực của định mức

#### 4.2 Lập lệnh sản xuất

- Mục đích: Sau khi nhận đơn hàng, xây dựng định mức kỹ thuật → BPSX lập lệnh sản xuất để tiến hành bắt đầu quá trình sản xuất. Mỗi lệnh sản xuất thường tương ứng với 1 đơn hàng, đối với đơn hàng nhiều thì có thể có nhiều lệnh sản xuất → LSX là dự kiến số lượng kế hoạch sản xuất, tính toán nguyên phụ liệu để xuất kho phục vụ cho sản xuất
- Đường dẫn: **Nhập – Xuất kho SX /Định mức NVL và LSX /Lệnh sản xuất**

- Minh họa

Mã hàng	Tên mặt hàng	Đvt	Mã kho	Mã lô	Số lượng	Đơn hàng
1	X2-CB1218201A	Bộ veston nam 01 quần, vải thành phẩm tử Bộ	KTPGC		4 000.00	
<b>Tổng cộng</b>					<b>4 000.00</b>	

- Thông tin chi tiết

+ Thông tin chung


- Mã giao dịch: Phân loại ( sản xuất, làm lại/sản xuất lại)
- Mức độ: Mức độ cần thiết, gấp gáp của lệnh sản xuất
- Thời gian kế hoạch thực hiện ( từ ngày ...đến ngày)
- Thời gian thực tế thực hiện

- o Diễn giải: Mô tả của LSX
- o Số LSX
- o Ngày lập: ngày LSX
- o Trạng thái: kế hoạch

+ Tab “Chi tiết ”

- o Mã hàng, tên hàng, đvt, mã kho: Mặt hàng dự kiến sản xuất
- o Số lượng: Số lượng dự kiến sản xuất
- o Hợp đồng: Lệnh sản xuất thuộc hợp đồng nào

+ Tab “Nguyên vật liệu”

- o Sau khi nhập đầy đủ , mặt hàng, hợp đồng, số lượng sản xuất → để tính toán ra nguyên liệu xuất theo lệnh → người dùng kích vào nút  → chương trình sẽ dựa vào số lượng kế hoạch, định mức kỹ thuật → chương trình sẽ tự động tính ra nguyên liệu theo lệnh sản xuất để cho BPSX làm căn cứ xuất kho để sản xuất

Chi tiết Nguyên vật liệu

Mã hàng	Tính xuất nvl	Tên mặt hàng	Đvt	Mã kho	Mã lô	Số lượng
1 X2-V1532950	Bộ Veston nam 02 quần, vải dệt thoi từ len 50%, polyes	Bộ	TPSXXK			2 450.00

o Thông tin

Chi tiết Nguyên vật liệu

Mã hàng	Tên mặt hàng	Đvt	Mã kho	Mã HD	Tên hợp đồ	Tên sản phẩm	Số lượng KH	Định mức	Số lượng NV	Số lượng ĐN
1 X2-VC50-1	Vải thành phẩm từ len 50%, đơn	Mét	KNLGC	876-RG-F8091	Gia công 2.2	Vải thành phẩm từ len !	2 200.00	3.100000	6 820.00	6 820.00
2 X2-3244-1	Vải lót 100% cotton khổ 106 cm	Mét	KNLGC	876-RG-F8091	Gia công 2.2	Vải lót 100% cotton khi	2 200.00	0.020000	38.50	39.00
3 X2-GS700	Vải lót 100% polyester khổ 72 cı	Mét	KNLGC	876-RG-F8091	Gia công 2.2	Vải lót 100% polyester	2 200.00	0.730000	1 606.00	1 606.00
4 X2-T00888	Vải lót 100% polyester khổ 72 cı	Mét	KNLGC	876-RG-F8091	Gia công 2.2	Vải lót 100% polyester	2 200.00	0.620000	1 364.00	1 364.00
5 X2-1185-1	Vải lót 100% polyester khổ 150	Mét	KNLGC	876-RG-F8091	Gia công 2.2	Vải lót 100% polyester	2 200.00	1.010000	2 233.00	2 233.00
6 X2-HP800-4	Vải lót 100% polyester khổ 150	Mét	KNLGC	876-RG-F8091	Gia công 2.2	Vải lót 100% polyester	2 200.00	0.870000	1 914.00	1 914.00
7 X2-MT7150-2	Vải lót 65% Polyester,35% cotto	Mét	KNLGC	876-RG-F8091	Gia công 2.2	Vải lót 65% Polyester,3	2 200.00	0.020000	44.00	44.00
8 X2-3D700C-1	Vải lót ni 55% len 45% tơ nhân	Mét	KNLGC	876-RG-F8091	Gia công 2.2	Vải lót ni 55% len 45%	2 200.00	0.110000	242.00	242.00

+ Mã hàng, tên hàng, đvt: nguyên liệu theo định mức

+ Hợp đồng, sản phẩm, số lượng ĐH: thông tin về sản phẩm trên đơn

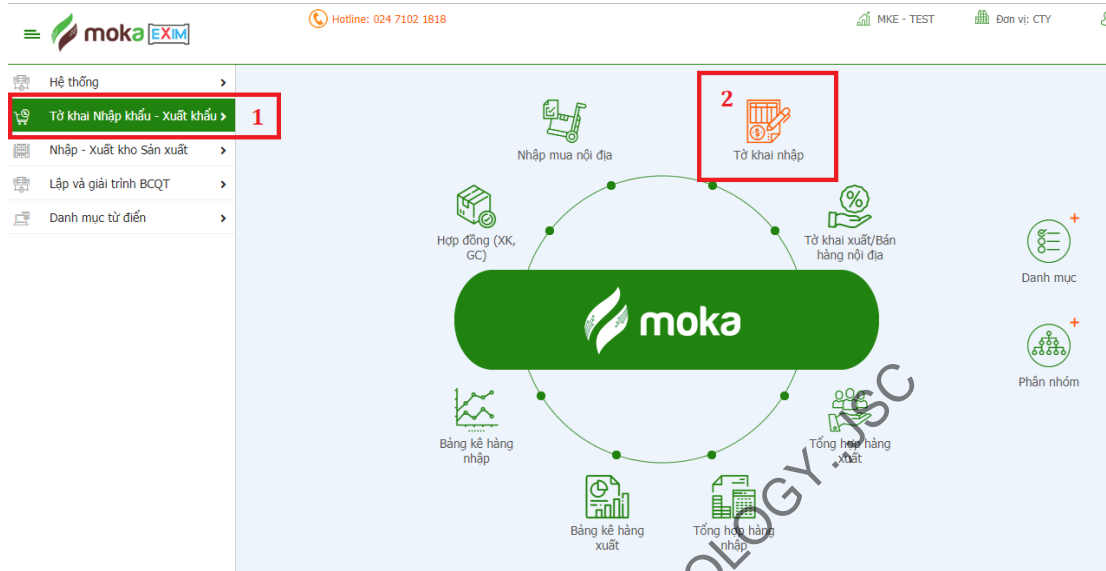
+ Định mức: lấy từ bảng định mức

+ Số lượng NVL: Số lượng kế hoạch x Định mức

+ Số lượng đề nghị:  $\text{ngành định} = \text{số lượng NVL} \rightarrow$  người dùng có thể làm tròn thêm do đặc tính của nguyên liệu.

### 4.3 Tờ khai nhập khẩu

- Đường dẫn: Tờ khai Nhập khẩu - XK /Tờ khai nhập



- Minh họa

Mã ncc	DT013	TEIJIN FRONTIER VIET NAM CO.,LTD	Số chứng từ	PNK009/19	
Người giao	Ms.Hieu		Ngày lập	05/02/2018	
Mã giao dịch	2	Hóa đơn kiểm phiếu nhập	Ngày hạch toán	05/02/2018	
Mã nx	E11	Nhập nguyên liệu của DNCX từ nước ngoài	Tỷ giá	YEN 202.72	
Ngày tờ khai	02/01/2018	Số tờ khai	3038718288	Trạng thái	2. Chuyển số cái
Diễn giải	Nhập NL theo hợp đồng số FM190378-0092				

Chi tiết		Chi phí								
Mã hàng	Mã HQ	Tên mặt hàng	Đvt	Mã kho	Số lượng	Giá nt	Tiền hàng nt	Giá	Tiền hàng	
1	X2-1185-1	1185-1	Vải lót 100% polyester khổ 150 cm(70g/m)	Mét	KNLGC	4 060.00	0.00	0.00	0.00	
2	X2-1324-35-1	1324-35-1	Vải dệt 65% polyester 35% cotton khổ 92 c	Mét	KNLGC	41.20	0.00	0.00	0.00	
3	X2-20	20	Vải dệt cotton 38% len 28% tơ nhân tạo 34	Mét	KNLGC	132.00	0.00	0.00	0.00	
4	X2-3244-1	3244-1	Vải lót 100% cotton khổ 106 cm(91g/m)	Mét	KNLGC	70.00	0.00	0.00	0.00	
5	X2-3D700C-1	3D700C-1	Vải lót ni 55% len 45% tơ nhân tạo khổ 90 c	Mét	KNLGC	440.00	0.00	0.00	0.00	
6	X2-55/1000A	55/1000A	Mex khổ 92cm(37g/m2)	Mét	KNLGC	80.00	0.00	0.00	0.00	
7	X2-730	730	Vải dệt ni len 60% len tơ nhân tạo 40% khổ 92	Mét	KNLGC	208.00	0.00	0.00	0.00	
Tổng số lượng						3 436 620.40	Tổng tiền	0.00	0	

Mã kho	Số lượng	Giá nt	Tiền hàng nt	Giá	Tiền hàng	Vụ việc	Mã nghiệp vụ	Hợp đồng	Mã SP	
KNLGC	4 060.00	0.00	0.00	0.00	0		NHAPKHO_E11_6E	FM190378-0092	X2-CB1218201	
KNLGC	41.20	0.00	0.00	0.00	0		NHAPKHO_E11_6E	FM190378-0092	X2-CB1218201	
KNLGC	132.00	0.00	0.00	0.00	0		NHAPKHO_E11_6E	FM190378-0092	X2-CB1218201	
KNLGC	70.00	0.00	0.00	0.00	0		NHAPKHO_E11_6E	FM190378-0092	X2-CB1218201	
KNLGC	440.00	0.00	0.00	0.00	0		NHAPKHO_E11_6E	FM190378-0092	X2-CB1218201	
KNLGC	80.00	0.00	0.00	0.00	0		NHAPKHO_E11_6E	FM190378-0092	X2-CB1218201	
KNLGC	384.00	0.00	0.00	0.00	0		NHAPKHO_E11_6E	FM190378-0092	X2-CB1218201	
								Tổng tiền	0.00	0
								Chi phí	0.00	0
								Tổng cộng	0.00	0

Thanh toán trong vòng 30 ngày

Đóng

- Thông tin chung của phiếu

- Mã NCC: Nhà cung cấp NPL ( Nhà đặt gia công )
- Người giao: Đối tượng giao hàng
- Mã giao dịch: ngầm định 2
- Mã NX: Loại nhập ( nguồn nhập ) của NPL → Chọn từ danh mục loại hình
- Ngày tờ khai: Thông tin tờ khai
- Số tờ khai: Thông tin tờ khai
- Diễn giải: mô tả nghiệp vụ phát sinh
- Số chứng từ: Số PN
- Ngày CT: Ngày hạch toán

- Thông tin chi tiết

- Mã hàng, tên hàng, đvt: thông tin nguyên liệu nhập
- Mã HQ: Tự hiện ra theo danh mục vật tư đã khai báo
- Mã kho: kho nhập của NPL
- Số lượng: số lượng nhập kho
- Đơn giá NT, đơn giá VND, thành tiền NT, Tiền VND: đối với hàng nhận gia công → bỏ trống còn đối với hàng NK để SXKK thì nhập theo trên tờ khai.
- Nghiệp vụ: loại nghiệp vụ nhập ( phục vụ lên báo cáo mẫu số 15), đối với hàng nhập về với mục đích kinh doanh → thì có thể bỏ trống mã nghiệp vụ.
- Mã hợp đồng: Nhập NPK cho HĐ

- Mã sản phẩm: trong trường hợp cụ thể đặc biệt là hợp đồng gia công → người dùng nhập mã sản phẩm ( do gia công gửi NL để sản xuất cho sản phẩm nào) → sau này sẽ lên báo cáo đồng bộ NPL để xem NPL đã nhận đủ hay chưa. Còn đối với SXXX thì có thể bỏ trống.

#### 4.4 Nhập mua nội địa

- Đường dẫn: **Tờ khai Nhập khẩu - XK /Nhập mua nội địa**



- Minh họa

Mã ncc	DT009	Q	Công ty TNHH MTV Phụ Liệu May Mặc MT	Số chứng từ	Q	PNM003/19
Người giao hàng	MT Co., LTD			Ngày lập		03/01/2018
Mã giao dịch	2	Q	Hóa đơn kiểm nghiệm nhập	Ngày hạch toán		03/01/2018
Mã nx	A12	Q	Nhập kinh doanh sản xuất	Tỷ giá	VND	1.00
Diễn giải	Nhập phụ liệu may mặc			Trạng thái		2. Chuyển số cái
Số hóa đơn	92829121					

Mã hàng	Mã HQ	Tên mặt hàng	Đvt	Mã kho	Số lượng	Giá	Tiền hàn	Vụ vi	Mã nghiệp vụ	Hợp đồng	Mã SP	Bt
1	X2-2001B/15	2001B/15	Băng dệt	Mét	KNLGC	1 421.00	0.00	0	NHAPKHO_E31_6E	FM190378-0091	X2-V1532950	X1
2	X2-4/700	4/700	Chỉ khâu	Mét	KNLGC	5 336.00	0.00	0	NHAPKHO_E31_6E	FM190378-0091	X2-V1532950	X1
3	X2-55/1000A	55/1000A	Mex khổ 92cm(37g/m2)	Mét	KNLGC	58.00	0.00	0	NHAPKHO_E31_6E	FM190378-0091	X2-V1532950	X1
4	X2-5850HBT/1	5850HBT/15	Băng không dệt	Mét	KNLGC	2 262.00	0.00	0	NHAPKHO_E31_6E	FM190378-0091	X2-V1532950	X1
5	X2-C	C	Cúc nhựa	Chiếc	KNLGC	52 200.00	0.00	0	NHAPKHO_E31_6E	FM190378-0091	X2-V1532950	X1
6	X2-CCS	CCS	Chip cỡ số nhựa	Chiếc	KNLGC	2 900.00	0.00	0	NHAPKHO_E31_6E	FM190378-0091	X2-V1532950	X1
7	X2-DT	DT	Dây treo thẻ giấy	Chiếc	KNLGC	11 600.00	0.00	0	NHAPKHO_E31_6E	FM190378-0091	X2-V1532950	X1
8	X2-DV	DV	Đệm vai(2 chỉ tiết/đôi)	Đôi	KNLGC	2 900.00	0.00	0	NHAPKHO_E31_6E	FM190378-0091	X2-V1532950	X1
9	X2-KH	KH	Khoá kéo nhựa	Chiếc	KNI GC	14 500.00	0.00	0	NHAPKHO_E31_6E	FM190378-0091	X2-V1532950	X1

- Thông tin của chứng từ: Tương tự như chứng từ nhập NPL – Nhập khẩu

#### 4.5 Xuất NVL cho sản xuất

- Đường dẫn: **Nhập – Xuất kho SX / Phiếu xuất kho sản xuất**

Hotline: 024 7102 1818
MKE - TEST
Đơn vị: CTY
AC

Hệ thống >

Tờ khai Nhập khẩu - Xuất khẩu >

**Nhập - Xuất kho Sản xuất >** 1

Lập và giải trình BCQT >

Danh mục từ điển >

The diagram shows a circular flow of warehouse management processes. At the top, 'Phiếu nhập kho từ SX' (Production Warehouse Receipt) and 'Phiếu đề nghị lĩnh vật tư' (Material Request Note) are highlighted with a red box and labeled '2'. Other steps include 'Định mức NVL và Lệnh SX' (Material Standard and Production Order), 'Xuất chuyển tiếp' (Transfer Out), 'Tinh giá trung bình tháng' (Monthly Average Price Calculation), 'Tinh giá NTXT' (NTXT Price Calculation), 'Tinh lại tồn kho tức thời' (Real-time Inventory Recalculation), 'Báo cáo hàng nhập' (Import Report), 'Báo cáo hàng xuất' (Export Report), 'Báo cáo hàng tồn' (Inventory Report), and 'BCQT-TT39/2018' (Circular Letter TT39/2018). A central green box contains the three calculation steps.

Danh mục +

Phân nhóm +

Số dư, dự dăng +

- Minh họa

Mã khách	DT022	Xưởng cắt	Số phiếu xuất	PXK002/18		
Người nhận	Nguyễn Thị Phi		Ngày lập	15/01/2018		
Mã giao dịch	2	Xuất NPL sản xuất (theo ĐMKT)	Ngày hạch toán	15/01/2018		
Diễn giải	Xuất NVL theo hợp đồng số : FM190378-0091 (*)			Tỷ giá	VND	1.00
Mã hợp đồng		Mã sản phẩm	Số lượng	0.00	Trạng thái	3. Chuyển số cái

**Chi tiết**

	Mã hàng	Mã HQ	Tên mặt hàng	Đvt	Mã kho	Tồn	Số lượng	Giá đích	Giá	Tiền	Mã NX	S/I
1	X2-VC-N10651	VC-N10651	Vải nhuộm dệt vân treó từ 100% pol	Mét	NLSXXX	-6 894.75	6 894.75		0.00	0	E31	
2	X2-3244-1	3244-1	Vải lót 100% cotton khổ 106 cm(94n	Mét	NLSXXX	-26.77	22.77		0.00	0	E31	
3	X2-1102	1102	Vải lót 100% cotton khổ 100 cm(10g	Mét	NLSXXX	110.53	14.36		0.00	0	E31	
4	X2-TAH334	TAH334	Vải lót 100% polyester khổ 144 cm(8	Mét	NLSXXX	-1 067.20	1 067.20		0.00	0	E31	
5	X2-TA5600	TA5600	Vải lót 100% polyester khổ 122cm (1	Mét	NLSXXX	-746.75	746.75		0.00	0	E31	
6	X2-AK1219	AK1219	Vải lót cupro 80% polyester 20% khổ	Mét	NLSXXX	-881.60	881.60		0.00	0	E31	
7	X2-N8270T	N8270T	Vải lót 100% polyester khổ 148 cm(1	Mét	NLSXXX	-58.00	58.00		0.00	0	E31	
8	X2-M5610WJ	M5610WJ	Vải lót 100% polyester khổ 150 cm(8	Mét	NLSXXX	-1 475.38	1 475.38		0.00	0	E31	
9	X2-1322-35	1322-35	Vải dệt 65% polyester 35% cotton	Mét	NLSXXX	-14.21	14.21		0.00	0	E31	

Mã khách DT022 Xưởng cắt Số phiếu xuất  
 Người nhận Nguyễn Thị Phi Ngày lập  
 Mã giao dịch 2 Xuất NPL sản xuất (theo ĐMKT) Ngày hạch toán  
 Diễn giải Xuất NVL theo hợp đồng số : FM190378-0091 (\*) Tỷ giá VND  
 Mã hợp đồng Mã sản phẩm Số lượng 0.00 Trang thái 3. Chuyển

Chi tiết

Tồn	Số lượng	Giá đích	Giá	Tiền	Mã NX	S/lượng SX	Vụ việc	Mã nghiệp vụ	Hợp đồng	Mã SP	Bộ phận
894.75	6 894.75	<input type="checkbox"/>	0.00	0	E31	1 450.00		SXXX1_9	FM190378-0091	X2-V1532950	X1
-26.77	22.77	<input type="checkbox"/>	0.00	0	E31	1 450.00		SXXX1_9	FM190378-0091	X2-V1532950	X1
110.53	14.36	<input type="checkbox"/>	0.00	0	E31	1 450.00		SXXX1_9	FM190378-0091	X2-V1532950	X1
067.20	1 067.20	<input type="checkbox"/>	0.00	0	E31	1 450.00		SXXX1_9	FM190378-0091	X2-V1532950	X1
746.75	746.75	<input type="checkbox"/>	0.00	0	E31	1 450.00		SXXX1_9	FM190378-0091	X2-V1532950	X1
381.60	881.60	<input type="checkbox"/>	0.00	0	E31	1 450.00		SXXX1_9	FM190378-0091	X2-V1532950	X1
-58.00	58.00	<input type="checkbox"/>	0.00	0	E31	1 450.00		SXXX1_9	FM190378-0091	X2-V1532950	X1
475.38	1 475.38	<input type="checkbox"/>	0.00	0	E31	1 450.00		SXXX1_9	FM190378-0091	X2-V1532950	X1
-14.21	14.21	<input type="checkbox"/>	0.00	0	E31	1 450.00		SXXX1_9	FM190378-0091	X2-V1532950	X1

- Thông tin chung của phiếu

- o Mã khách: Bộ phận nhận hàng
- o Người nhận: Đối tượng nhận hàng
- o Mã giao dịch: ngầm định 2
- o Diễn giải: mô tả nghiệp vụ phát sinh
- o Số chứng từ: Số PN
- o Ngày CT: Ngày hạch toán
- o Mã hợp đồng, sản phẩm, số lượng → mục đích xuất NVL theo định mức

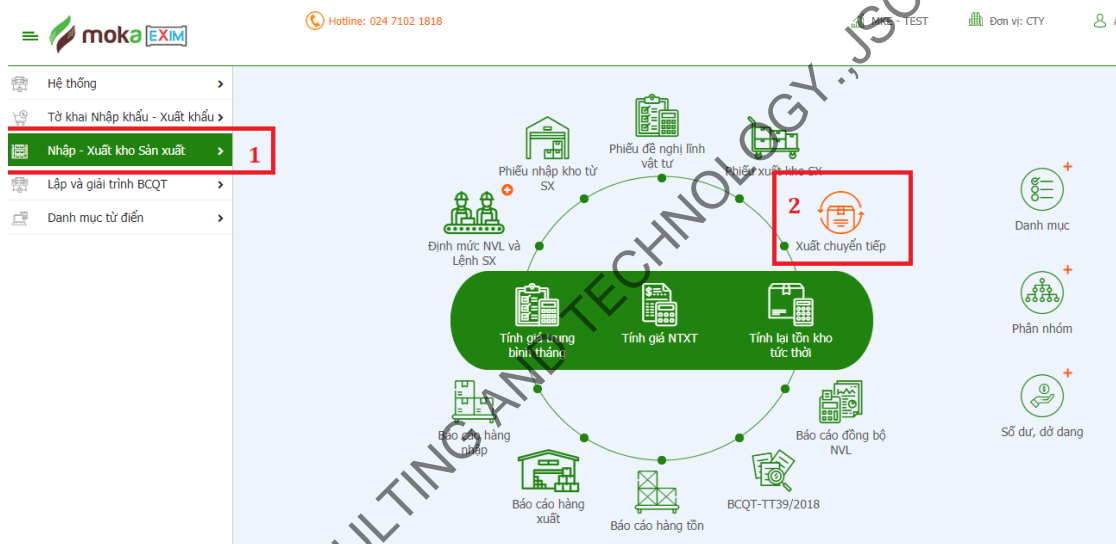
- Thông tin chi tiết

- o Mã hàng, tên hàng, đvt: thông tin nguyên liệu xuất
- o Mã HQ: Tự hiện ra theo danh mục vật tư đã khai báo
- o Mã kho: kho xuất
- o Số lượng: số lượng xuất kho
- o Đơn giá giá, thành tiền: Không nhập, sau này chương trình sẽ tự áp giá xuất theo pp tính giá
- o Mã NX: nguồn nguyên liệu/dạng nhập xuất -> chọn trong danh mục loại hình
- o S/lượng SX: đối với trường hợp xuất NPK theo định mức → thì cột này sẽ là cột số lượng sản phẩm sản xuất tương ứng với phần NVL xuất kho
- o Nghiệp vụ: loại nghiệp vụ nhập (phục vụ lên báo cáo mẫu số 15), đối với hàng nhập về với mục đích kinh doanh → thì có thể bỏ trống mã nghiệp vụ.

- Mã hợp đồng: Hợp đồng XK
- Mã sản phẩm: Sản phẩm sản xuất → TH theo định mức → tự tính và lưu (người dùng không nhập)
- Lệnh sản xuất: (xuất kho theo LSX nào)

#### 4.6 Xuất chuyển tiếp (xuất chuyển tiếp E54)

- Mục đích: Đối với các TH nhận gia công, sau khi kết thúc hợp đồng mà NPL vẫn còn trong kho mà không mở tờ khai xuất trả lại cho bên gia công -> mà hiện tại đang nhận các hợp đồng khác → dùng phiếu xuất chuyển tiếp
- Đường dẫn: **Nhập – xuất kho SX/Xuất chuyển tiếp**



- Minh họa

Mã kho xuất	KNLGC	Kho nguyên liệu gia công ( Nhà gia công)	Số phiếu xuất	PDC18/0002
Mã kho nhập	KNLGC	Kho nguyên liệu gia công ( Nhà gia công)	Ngày lập	31/01/2018
Mã HD xuất	876-RG-F8091	Gia công 2.248 bộ veston cho hợp đồng 876-RG-F8091 (*)	Tỷ giá	VND 1.00
Mã HD nhập	871-PHUS-T1952	Gia công 7.500 bộ veston cho hợp đồng 871-PHUS-T1952 (*)	Ngày hạch toán	31/01/2018
Số TK xuất	333716271211	Số TK nhập 333716271211 Ngày TK 31/01/2018	Trạng thái	3. Chuyển số cái
Người nhận	Lê Hoài Nam			
Diễn giải	Xuất chuyển tiếp NL			

Chi tiết

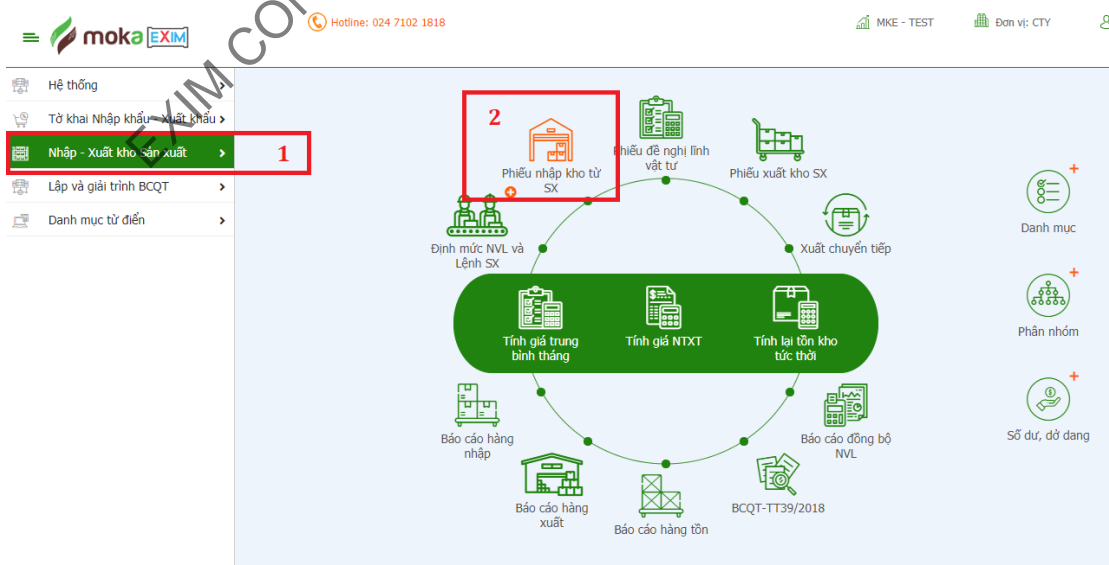
Mã hàng	Mã HQ	Tên mặt hàng	Đvt	Số lượng	Giá đích	Giá	Tiền	Mã NX(Xuất)	Mã NX(Nhập)	Vụ việc	Mã nghiệp vụ	Bộ phận
1	X2-3244-1	3244-1	Vải lót 100% cotton khổ:	Mét	1.50	0.00	0	E31	A11		XUATCT_E54_7B	X1

- Thông tin chung của phiếu

- Mã kho xuất, mã kho nhập: thông tin kho điều chuyển
  - Mã HĐ xuất, mã HĐ nhập: thông tin về hợp đồng chuyển tiếp
  - Số tờ khai xuất, nhập, ngày tờ khai: Thông tin tờ khai
  - Người nhận : Đối tượng nhận hàng
  - Diễn giải: mô tả nghiệp vụ phát sinh
  - Số chứng từ: Số phiếu xuất kho
  - Ngày lập: Ngày hạch toán, ghi nhận nghiệp vụ
- Thông tin chi tiết
- Mã hàng, tên hàng, đvt: thông tin nguyên liệu xuất
  - Mã HQ: Tự hiện ra theo danh mục vật tư đã khai báo
  - Mã kho: kho xuất
  - Số lượng: số lượng xuất kho
  - Đơn giá giá, thành tiền: Không nhập, sau này chương trình sẽ tự áp giá xuất theo pp tính giá
  - Mã NX xuất: nguồn nguyên liệu/dạng nhập xuất -> chọn trong danh mục loại hình
  - Mã NX nhập: nguồn nguyên liệu/dạng nhập xuất -> chọn trong danh mục loại hình
  - Nghiệp vụ: loại nghiệp vụ xuất ( phục vụ lên báo cáo mẫu số 15), đối với hàng nhập về với mục đích kinh doanh -> thì có thể bỏ trống mã nghiệp vụ.

#### 4.7 Nhập kho thành phẩm SX

- Đường dẫn : **Nhập – Xuất kho SX/Phiếu nhập kho từ sản xuất**



- Minh họa

**Xem phiếu nhập**

Mã khách	DT012	TEIJIN FRONTIER CO.,LTD	Số phiếu nhập	PNK18/0001
Người giao			Ngày lập	31/03/2018
Mã giao dịch	4	Nhập thành phẩm	Ngày hạch toán	31/03/2018
Diễn giải	Nhập đóng bộ cho hợp đồng 871-PHUS-T1952		Tỷ giá	VND 1.00
			Trạng thái	3. Chuyển số cái

**Chi tiết**

Mã hàng	Mã HQ	Tên mặt hàng	Đvt	Mã kho	Số lượng	Giá TB	Giá	Tiền	Mã nx	Mã nghiệp vụ	Hợp đồng	
1 X2-1190K220-1	1190K220-1	Bộ Veston nam 01 quần, vải nhu	Bộ	KTPGC	457.00		0.00	0	E21	SPHT_6A	871-PHUS-T1952	
Tổng cộng											457.00	0

Mới Sửa Xóa Đóng In

Mã khách	DT012	TEIJIN FRONTIER CO.,LTD	Số phiếu nhập	PNK18/0001
Người giao			Ngày lập	31/03/2018
Mã giao dịch	4	Nhập thành phẩm	Ngày hạch toán	31/03/2018
Diễn giải	Nhập đóng bộ cho hợp đồng 871-PHUS-T1952		Tỷ giá	VND 1.00
			Trạng thái	3. Chuyển số cái

**Chi tiết**

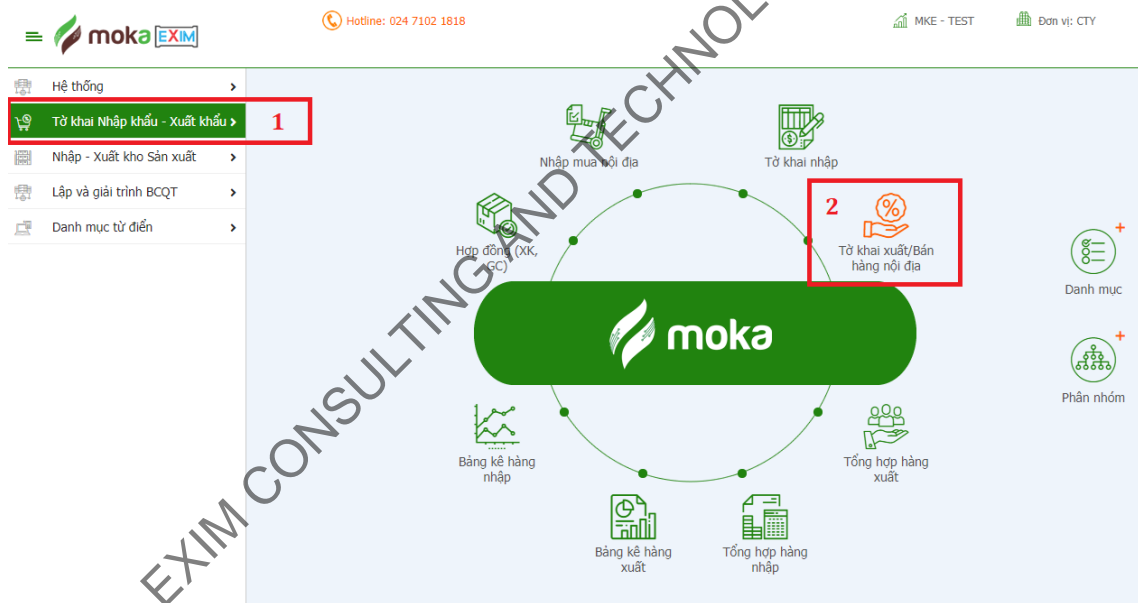
Tên mặt hàng	Đvt	Mã kho	Số lượng	Giá TB	Giá	Tiền	Mã nx	Mã nghiệp vụ	Hợp đồng	Bộ phận	Lệnh SX	Mã SP
am 01 quần, vải nhu	Bộ	KTPGC	457.00		0.00	0	E21	SPHT_6A	871-PHUS-T1952	X1	LSX2018/001	

- Thông tin chung của phiếu
  - o Mã khách: Đơn vị nhập kho
  - o Người nhận: Đối tượng nhận hàng
  - o Mã giao dịch: ngầm định 4 ( nhập từ sản xuất)
  - o Diễn giải: mô tả nghiệp vụ phát sinh
  - o Số chứng từ: Số PN
  - o Ngày CT: Ngày hạch toán
- Thông tin chi tiết
  - o Mã hàng, tên hàng, đvt: thông tin nguyên liệu xuất
  - o Mã HQ: Tự hiện ra theo danh mục vật tư đã khai báo
  - o Mã kho: kho nhập
  - o Số lượng: số lượng nhập kho

- Đơn giá giá, thành tiền: Không nhập, sau này chương trình sẽ tự áp giá xuất theo pp tính giá
- Mã NX: nguồn nguyên liệu/dạng nhập xuất -> chọn trong danh mục loại hình
- Nghiệp vụ: loại nghiệp vụ nhập ( phục vụ lên báo cáo mẫu số 15A), đối với hàng nhập về với mục đích kinh doanh → thì có thể bỏ trống mã nghiệp vụ.
- Mã hợp đồng: Hợp đồng XK
- Mã sản phẩm: TH sử dụng cột này khi nhập NPL thừa từ quá trình sản xuất( đối trường hợp này mã giao dịch sẽ dùng là loại 9 – nhập khác)
- Lệnh sản xuất : (Nhập kho theo LSX nào)

#### 4.8 Xuất trả hàng GC/SXXX

- Đường dẫn: **Tờ khai xuất khẩu – nhập khẩu/ Tờ khai xuất - bán hàng nội địa (GC,SXXX)**



- Minh họa

**Xem hóa đơn**

Mã khách	DT012	TEIJIN FRONTIER CO.,LTD	Số PXX	PXX003/18
Người mua	TEIJIN FRONTIE		Số tờ khai	37362551244
Mã giao dịch	2	Hóa đơn kiểm phiếu xuất	Ngày lập TK	31/03/2018
Mã nx	E52	Xuất sản phẩm gia công cho thương nhân nước ngoài	Ngày PXX	31/03/2018
Mã thanh toán	30	Hạn thanh toán trong vòng 30 ngày	Tỷ giá	USD 21 036.00
Diễn giải	Xuất trả hàng gia công theo hợp đồng số 876-RG-F8091		Trạng thái	2. Chuyển số cái

Chi tiết    Khác

Mã hàng	Mã HQ	Tên mặt hàng	Đvt	K/mỗi	Mã kho	Tồn	Số lượng	Giá bán nt	Tiền hàng nt	Giá ĐD
1 X2-CB118200A	CB118200A	Bộ veston nam 01 quần, vải thành phẩm từ len 50% pol	Bộ	0	KTPGC	2 611.00	2 200.00	17.65	38 830.00	

Tổng số lượng: 2 200.00  
Tỷ giá: 21 036.00  
Tổng thanh toán: 38 830.00    816 827 880

Mới   Sửa   Xóa   Đóng   In   Tải về

---

**Xem hóa đơn**

Mã khách	DT012	TEIJIN FRONTIER CO.,LTD	Số PXX	PXX003/18
Người mua	TEIJIN FRONTIE		Số tờ khai	37362551244
Mã giao dịch	2	Hóa đơn kiểm phiếu xuất	Ngày lập TK	31/03/2018
Mã nx	E52	Xuất sản phẩm gia công cho thương nhân nước ngoài	Ngày PXX	31/03/2018
Mã thanh toán	30	Hạn thanh toán trong vòng 30 ngày	Tỷ giá	USD 21 036.00
Diễn giải	Xuất trả hàng gia công theo hợp đồng số 876-RG-F8091		Trạng thái	2. Chuyển số cái

Chi tiết    Khác

Giá ĐD	Giá vốn nt	Tiền vốn nt	Giá bán	Tiền hàng	Chiết khấu	Giá vốn	Tiền vốn	Vụ việc	Mã nghiệp vụ	Hợp đồng	Mã SP	Độ phủ
	0.00	0.00	371 285.40	816 827 880	0	0.00	0		SP_E52_BB	876-RG-F8091		X1

Tổng số lượng: 2 200.00  
Tỷ giá: 21 036.00  
Tổng thanh toán: 38 830.00    816 827 880

Mới   Sửa   Xóa   Đóng   In   Tải về

- Thông tin chung của phiếu

- Mã khách: Đối tượng xuất khẩu, thuê gia công
- Người nhận: Đối tượng nhận hàng
- Mã giao dịch: ngầm định 2
- Mã NX: loại hình NX
- Diễn giải: mô tả nghiệp vụ phát sinh
- Số chứng từ: Số PXX ( phiếu xuất)
- Số tờ khai: Thông tin tờ khai
- Ngày lập tờ khai: Thông tin tờ khai

- Ngày PXX: Ngày hạch toán -> ghi nhận phát sinh vào hệ thống để tính toán
- Thông tin chi tiết
  - Mã hàng, tên hàng, đvt: thông tin nguyên liệu xuất
  - Mã HQ: Tự hiện ra theo danh mục vật tư đã khai báo
  - Mã kho: kho xuất
  - Số lượng: số lượng xuất kho
  - Đơn giá NT, Đơn giá VND, Thành tiền NT, Thành tiền VND: Người dùng gõ các thông tin liên quan đến ngoại tệ → chương trình sẽ thực hiện quy đổi theo tỷ giá đã cập nhật.
  - Thông tin về CK, giá vốn: người dùng có thể bỏ qua.
  - Nghiệp vụ: loại nghiệp vụ nhập ( phục vụ lên báo cáo mẫu số 15), đối với hàng nhập về với mục đích kinh doanh → thì có thể bỏ trống mã nghiệp vụ.
  - Mã hợp đồng: Hợp đồng XK
  - Mã sản phẩm: Áp dụng trong trường hợp là xuất trả NVL theo HĐ gia công → chỉ định rõ là trả NPL cho sản phẩm nào.

EXIM CONSULTING AND TECHNOLOGY JSC

## **5 HỆ THỐNG BÁO CÁO**

### **5.1 Hệ thống báo cáo hàng nhập**

- Bảng kê phiếu nhập
- Báo cáo giá trị hàng nhập theo nhà cung cấp
- Báo cáo hàng nhập nhóm theo 2 chỉ tiêu
- Tổng hợp hàng nhập kho

### **5.2 Hệ thống báo cáo hàng xuất**

- Bảng kê phiếu xuất
- Báo cáo giá trị hàng xuất theo khách hàng
- Báo cáo hàng xuất nhóm theo 2 chỉ tiêu
- Tổng hợp hàng xuất kho

### **5.3 Hệ thống báo cáo tồn kho**

- Báo cáo tồn kho
- Báo cáo tồn theo kho
- Tổng hợp nhập xuất tồn theo kho
- Tổng hợp nhập xuất tồn theo lô

### **5.4 Hệ thống báo cáo cảnh báo tồn kho**

- Báo cáo tồn kho theo tuổi
- Báo cáo tồn kho theo thời gian
- Báo cáo tồn kho theo thời gian, lô
- Báo cáo tồn kho vật tư chậm luân chuyển
- Báo động tồn kho vật tư
- Báo cáo tồn kho theo định mức
- Báo cáo hàng hóa, vật tư cận ngày
- Báo cáo hàng hóa, vật tư quá hạn

### **5.5 Hệ thống báo cáo kho theo hợp đồng, Mã NX**

- Thẻ kho theo hợp đồng
- Tổng hợp NXT theo hợp đồng
- Chi tiết vật tư theo loại hình NX
- Báo cáo NXT theo loại hình NX(\*)
- Báo cáo tồn theo loại hình NX(\*)

## 5.6 Hệ thống báo cáo đồng bộ NVL gia công

- Bảng NVL theo đơn hàng
- Báo cáo đồng bộ NVL theo đơn hàng

## 5.7 Hệ thống báo cáo theo TT39/2018 (DN nhận gia công)

- Sổ chi tiết vật tư (N/X)
- Mẫu số 15/BCQT-NVL/GSQL
- Mẫu số 15A/BCQTSP/GSQL
- Mẫu số 16/ĐMTT/GSQL

## 5.8 Màn hình một số báo cáo

### a. Báo cáo nhập xuất tồn theo mã NX

Stt	Mã vật tư	Tên vật tư	Tồn đầu	SI nhập	SI xuất	Tồn cuối	Mã NX
		Tổng cộng	402 822.09	4 203 328.66	4 543 726.17	62 424.58	
	E21	Nhập nguyên liệu để gia công cho thương nhân nước ngoài	402 822.09	4 203 328.66	4 543 726.17	62 424.58	E21
1	X2-1185-1	Vải lót 100% polyester khổ 150 cm(70g/m)	180.32	2 605.68	2 695.84	90.16	E21
2	X2-1190K220-1	Bộ Veston nam 01 quần, vải nhuộm dệt thoi từ len 99%		7 571.00		7 571.00	E21
3	X2-1324-35-1	Vải dưng 65% polyester 35% cotton khổ 92 cm(134g/r)	23.40		27.36	3.96	E21
4	X2-20	Vải dưng cotton 38% len 28% tơ nhân tạo 34% khổ 125cm	25.38	74.96	87.65	12.69	E21
5	X2-20/3/500	Chỉ khâu		2 727.00	2 722.32	4.68	E21
6	X2-2001B/15	Băng dệt	32.55	3 750.00	3 781.00	1.55	E21
7	X2-2100/33/53	Dưng cạp	89.19	10 275.00	10 359.94	4.25	E21
8	X2-3244-1	Vải lót 100% cotton khổ 106 cm(91g/m)	14.50	161.50	207.71	-31.71	E21
9	X2-3D700C-1	Vải lót ni 55% len 45% tơ nhân tạo khổ 90 cm(112g/r)	84.56	249.88	292.16	42.28	E21
10	X2-4/700	Chỉ khâu	119.78	13 800.00	13 914.08	5.70	E21
11	X2-400	Vải dưng tơ nhân tạo 43% cotton 28% len/lông 29% khổ 125cm	60.50	3 315.00	3 357.90	17.60	E21
12	X2-55/1000A	Mex khổ 92cm(37g/m2)	16.40	161.68	170.34	7.74	E21
13	X2-55/2100A	Mex khổ 92cm(49g/m2)	0.15	75.00	74.86	0.29	E21

### b. Báo cáo tồn theo loại hình

Stt	Mã vật tư	Tên vật tư	Đvt	E11	E21	E31	E52	Tổng cộng
1	X2-1102	Vải lót 100% cotton khổ 100 cm(70g/m2)	Mét			96.17		96.17
2	X2-1185-1	Vải lót 100% polyester khổ 150 cm(70g/m)	Mét	-4 521.60	90.16			-4 431.44
3	X2-1190K220-1	Bộ Veston nam 01 quần, vải nhuộm dệt thoi từ len 99%	Bộ		7 571.00		-7 500.00	71.00
4	X2-1322-35	Vải dưng 65% polyester 35% cotton khổ 92 cm(125g/m)	Mét			-28.42		-28.42
5	X2-1324-35-1	Vải dưng 65% polyester 35% cotton khổ 92 cm(134g/m)	Mét	-46.35	3.96			-42.39
6	X2-20	Vải dưng cotton 38% len 28% tơ nhân tạo 34% khổ 125cm	Mét	-148.50	12.69			-135.81
7	X2-20/3/500	Chỉ khâu	Mét		4.68			4.68
8	X2-2001B/15	Băng dệt	Mét		1.55			1.55
9	X2-2100/33/53	Dưng cạp	Mét		4.25			4.25
10	X2-3244-1	Vải lót 100% cotton khổ 106 cm(91g/m)	Mét	-78.75	-31.71	-51.04		-161.50
11	X2-3D700C-1	Vải lót ni 55% len 45% tơ nhân tạo khổ 90 cm(112g/m)	Mét	-495.00	42.28			-452.72
12	X2-4/700	Chỉ khâu	Mét		5.70			5.70
13	X2-400	Vải dưng tơ nhân tạo 43% cotton 28% len/lông 29% khổ 125cm	Mét		17.60			17.60

c. Sổ chi tiết nhập xuất theo vật tư ( dùng để đối chiếu trước khi lập báo cáo QT)

Ngày ct	Số ct	Mã khách	Tên khách	Diễn giải	Mã vật tư	Mã HQ	Tên vật tư	Đvt	SL nhập	SL xuất	Tk kho
01/01/2018	PNK006/19	DT012	TEJJIN FRONTIER CO.,LTD	Nhập nguyên liệu cho đơ	X2-3244-1	3244-1	Vải lót 100% cotton khổ 10	Mét	45.00		1521
02/01/2018	PXX004/18	DT013	TEJJIN FRONTIER VIET NAM CO.	Xuất trả hàng GC sau khi	X2-CB1118200A	CB1118200A	Bộ veston nam 01 quần, và	Bộ		48.00	1551
03/01/2018	PNM003/19	DT009	Công ty TNHH MTV Phụ Liệu May	Nhập phụ liệu may mặc	X2-2001B/15	2001B/15	Băng dệt	Mét	1 421.00		1551
03/01/2018	PNM003/19	DT009	Công ty TNHH MTV Phụ Liệu May	Nhập phụ liệu may mặc	X2-4/700	4/700	Chỉ khâu	Mét	5 336.00		1551
03/01/2018	PNM003/19	DT009	Công ty TNHH MTV Phụ Liệu May	Nhập phụ liệu may mặc	X2-55/1000A	55/1000A	Mex khổ 92cm(37g/m2)	Mét	58.00		1521
03/01/2018	PNM003/19	DT009	Công ty TNHH MTV Phụ Liệu May	Nhập phụ liệu may mặc	X2-5850HBT/15	5850HBT/15	Băng không dệt	Mét	2 262.00		1551
03/01/2018	PNM003/19	DT009	Công ty TNHH MTV Phụ Liệu May	Nhập phụ liệu may mặc	X2-C	C	Cúc nhựa	Chiếc	52 200.00		1551
03/01/2018	PNM003/19	DT009	Công ty TNHH MTV Phụ Liệu May	Nhập phụ liệu may mặc	X2-CCS	CCS	Chip cỡ số nhựa	Chiếc	2 900.00		1551
03/01/2018	PNM003/19	DT009	Công ty TNHH MTV Phụ Liệu May	Nhập phụ liệu may mặc	X2-DT	DT	Dây treo thẻ giấy	Chiếc	11 600.00		1551
03/01/2018	PNM003/19	DT009	Công ty TNHH MTV Phụ Liệu May	Nhập phụ liệu may mặc	X2-DV	DV	Đệm vai(2 chi tiết/đôi)	Đôi	2 900.00		1551
03/01/2018	PNM003/19	DT009	Công ty TNHH MTV Phụ Liệu May	Nhập phụ liệu may mặc	X2-KH	KH	Khoá kéo nhựa	Chiếc	14 500.00		1551
03/01/2018	PNM003/19	DT009	Công ty TNHH MTV Phụ Liệu May	Nhập phụ liệu may mặc	X2-MA	MA	Mắc áo nhựa	Chiếc	2 900.00		1551

Tên vật tư	Đvt	SL nhập	SL xuất	Tk kho	Kho hàng	Mã NX	Vụ việc	Hợp đồng	Bộ phận	Sản phẩm	Nhiệm vụ
Vải lót 100% cotton khổ 10	Mét	45.00		1521	KNLGC	A11		871-PHUS-T1952	X1	X2-1190K220-1	DIDUONG_E21_6A
Bộ veston nam 01 quần, và	Bộ		48.00	1551	KTPGC	E52		876-RG-F8091	X1		SP_E52_8A
Băng dệt	Mét	1 421.00		1551	KNLGC	A11		FM190378-0091	X1	X2-V1532950	NHAPKHO_E31_6B
Chỉ khâu	Mét	5 336.00		1551	KNLGC	A11		FM190378-0091	X1	X2-V1532950	NHAPKHO_E31_6B
Mex khổ 92cm(37g/m2)	Mét	58.00		1521	KNLGC	A11		FM190378-0091	X1	X2-V1532950	NHAPKHO_E31_6B
Băng không dệt	Mét	2 262.00		1551	KNLGC	A11		FM190378-0091	X1	X2-V1532950	NHAPKHO_E31_6B
Cúc nhựa	Chiếc	52 200.00		1551	KNLGC	A11		FM190378-0091	X1	X2-V1532950	NHAPKHO_E31_6B
Chip cỡ số nhựa	Chiếc	2 900.00		1551	KNLGC	A11		FM190378-0091	X1	X2-V1532950	NHAPKHO_E31_6B
Dây treo thẻ giấy	Chiếc	11 600.00		1551	KNLGC	A11		FM190378-0091	X1	X2-V1532950	NHAPKHO_E31_6B
Đệm vai(2 chi tiết/đôi)	Đôi	2 900.00		1551	KNLGC	A11		FM190378-0091	X1	X2-V1532950	NHAPKHO_E31_6B
Khoá kéo nhựa	Chiếc	14 500.00		1551	KNLGC	A11		FM190378-0091	X1	X2-V1532950	NHAPKHO_E31_6B
Mắc áo nhựa	Chiếc	2 900.00		1551	KNLGC	A11		FM190378-0091	X1	X2-V1532950	NHAPKHO_E31_6B
Móc quần(4 chi tiết/bộ)	Bộ	5 800.00		1551	KNLGC	A11		FM190378-0091	X1	X2-V1532950	NHAPKHO_E31_6B
Nhấn móc	Chiếc	46 400.00		1551	KNLGC	A11		FM190378-0091	X1	X2-V1532950	NHAPKHO_E31_6B
Dung cụ	Mét	6 368.40		1521	KNLGC	A11		FM190378-0091	X1	X2-V1532950	NHAPKHO_E31_6B
Mex khổ 100 cm(135g/m2)	Mét	127.60		1521	KNLGC	A11		FM190378-0091	X1	X2-V1532950	NHAPKHO_E31_6B

d. Mẫu số 15/BCQT-NVL/GSQL

Mã hợp đồng	Mã vật tư	Mã HQ	Tên vật tư	Đvt	Tk vật tư	Lượng NL, VT tồn kho đầu kỳ	Nhập đi đường	Nhập trong kỳ (HQ)	Nhập lại từ SX	Nhập chuyển từ HĐ khác	Nhập lại kho sau khi GC lại	Tổng nhập
			Tổng cộng :			382 904.55	550.00	1 950 058.66	2.50			1 950 611.16
876-RG-F809:	X2-1185-1	1185-1	Vải lót 100% polyester khổ 150 cm(	Mét	1521	180.32	300.00	2 305.68				2 605.68
876-RG-F809:	X2-1324-35-1	1324-35-1	Vải dệt 65% polyester 35% cotton	Mét	1521	7.92		23.40				23.40
876-RG-F809:	X2-20	20	Vải dệt cotton 38% len 28% tơ nh	Mét	1521	25.38		74.96				74.96
876-RG-F809:	X2-3244-1	3244-1	Vải lót 100% cotton khổ 106 cm(91	Mét	1521	13.48		39.75	2.50			42.25
876-RG-F809:	X2-3D700C-1	3D700C-1	Vải lót ni 55% len 45% tơ nhân tạo	Mét	1521	84.56		249.88				249.88
876-RG-F809:	X2-55/1000A	55/1000A	Mex khổ 92cm(37g/m2)	Mét	1521	15.38		45.43				45.43
876-RG-F809:	X2-77S-C	77S-C	Vải dệt ni len 60% len, tơ nhân tạo 4	Mét	1521	54.60		161.28				161.28
876-RG-F809:	X2-9409-32-2	9409-32-2	Vải dệt cotton 38%, len 25% tơ r	Mét	1521	52.28		154.47				154.47
876-RG-F809:	X2-9501A	9501A	Vải dệt len/ lông 35% tơ nhân tạo	Mét	1521	17.92		23.40				23.40
876-RG-F809:	X2-BD	BD	Băng dệt	Mét	1521	2 844.54		8 404.93				8 404.93
876-RG-F809:	X2-BKD	BKD	Băng không dệt	Mét	1521	2 767.66		8 177.77				8 177.77
876-RG-F809:	X2-C	C	Cúc nhựa	Chiếc	1521	13 969.46		38 617.27				38 617.27

Tổng nhập	Tái xuất	Đ/c sang HĐ khác	Chuyển mục đích	Xuất SX	Xuất GC lại	Xuất khác	Tổng xuất	Lượng NL, VT tồn kho cuối kỳ
1 950 611.16		1.50		2 282 659.65			2 282 661.15	50 854.56
2 605.68				2 695.84			2 695.84	90.16
23.40				27.36			27.36	3.96
74.96				87.65			87.65	12.69
42.25		1.50		46.49			47.99	7.74
249.88				292.16			292.16	42.28
45.43				53.12			53.12	7.69
161.28				188.58			188.58	27.30
154.47				180.61			180.61	26.14
23.40				27.36			27.36	13.96
8 404.93				9 827.20			9 827.20	1 422.27
8 177.77				9 561.60			9 561.60	1 383.83
38 617.27				45 152.00			45 152.00	7 434.73

e. Mẫu số 15A/BCQTSP/GSQL

Stt	Mã hợp đồng	Mã vật tư	Mã HQ	Tên vật tư	Đvt	Tk vật tư	Lượng SP tồn kho ĐK	Lượng SP nhập kho trong kỳ	Lượng SP đã xuất khẩu bị trả lại	Lượng SP nhận từ bên GC lại	Tổng số lượng SP nhập
				Tổng công :			80.00	2 648.00	12.00		2 660.00
1	876-RG-F8091	X2-CB1118200A	CB1118200A	Bộ veston nam 01 quần, vải l	Bộ	1551	80.00	2 648.00	12.00		2 660.00

Lượng SP thay đổi mục đích, t/thụ nội địa	Lượng SP mở TK năm trước, năm nay xuất kho	Lượng SP mở TK và xuất kho năm nay	Lượng SP xuất kho ĐK, chưa đăng ký TKHQ	Lượng SP xuất n/cứu, hư hỏng, mất mát do thiên tai, hỏa hoạn	Lượng SP xuất kho khác	Tổng số lượng SP xuất	Lượng SP tồn kho CK
	48.00	2 200.00			1.00	2 249.00	491.00
	48.00	2 200.00			1.00	2 249.00	491.00

f. Mẫu số 16/ĐMTT/GSQL

TT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm	Đvt	Mã NVL	Mã HQ	Tên NVL	Đvt	Mã kho	NVL DD đầu kỳ	NVL xuất SX	NVL DD cuối kỳ	NVL thực tế SD	SP hoàn thành NK	Định mức TT
1	X2-CB1118200A	Bộ veston nam 01 quế	Bộ	X2-1185-1	1185-1	Vải lót 100% polyeste	Mét	KNLGC	102.00	2 695.84	78.50	2 719.34	2 648.00	1.0270
2	X2-CB1118200A	Bộ veston nam 01 quế	Bộ	X2-1324-35-1	1324-35-1	Vải dụng 65% polyst	Mét	KNLGC		27.36		27.36	2 648.00	0.0100
3	X2-CB1118200A	Bộ veston nam 01 quế	Bộ	X2-20	20	Vải dụng cotton 38%	Mét	KNLGC		87.65		87.65	2 648.00	0.0330
4	X2-CB1118200A	Bộ veston nam 01 quế	Bộ	X2-3244-1	3244-1	Vải lót 100% cotton kđ	Mét	KNLGC		46.49		46.49	2 648.00	0.0180
5	X2-CB1118200A	Bộ veston nam 01 quế	Bộ	X2-3D700C-1	3D700C-1	Vải lót nỉ 55% len 45'	Mét	KNLGC		292.16		292.16	2 648.00	0.1100
6	X2-CB1118200A	Bộ veston nam 01 quế	Bộ	X2-55/1000A	55/1000A	Mek khổ 92cm(37g/m	Mét	KNLGC		53.12		53.12	2 648.00	0.0200
7	X2-CB1118200A	Bộ veston nam 01 quế	Bộ	X2-775-C	775-C	Vải lót nỉ len 60% len,	Mét	KNLGC		188.58		188.58	2 648.00	0.0710
8	X2-CB1118200A	Bộ veston nam 01 quế	Bộ	X2-9409-32-2	9409-32-2	Vải dụng cotton 38%,	Mét	KNLGC		180.61		180.61	2 648.00	0.0680
9	X2-CB1118200A	Bộ veston nam 01 quế	Bộ	X2-9501A	9501A	Vải dụng len/ lông 35'	Mét	KNLGC		27.36		27.36	2 648.00	0.0100
10	X2-CB1118200A	Bộ veston nam 01 quế	Bộ	X2-BD	BD	Băng dệt	Mét	KNLGC		9 827.20		9 827.20	2 648.00	3.7110
11	X2-CB1118200A	Bộ veston nam 01 quế	Bộ	X2-BKD	BKD	Băng không dệt	Mét	KNLGC		9 561.60		9 561.60	2 648.00	3.6110
12	X2-CB1118200A	Bộ veston nam 01 quế	Bộ	X2-C	C	Cúc nhựa	Chiếc	KNLGC		45 152.00		45 152.00	2 648.00	17.0510
13	X2-CB1118200A	Bộ veston nam 01 quế	Bộ	X2-CCS	CCS	Chip cỡ số nhựa	Chiếc	KNLGC		2 656.00		2 656.00	2 648.00	1.0030

**Mong rằng những thông tin trên đây đáp ứng được yêu cầu của Quý công ty và chúng tôi mong nhận được thông tin từ Quý Công ty trong thời gian sớm nhất!**

**Trân trọng cảm ơn!**

**Nguyễn Ngọc Tiến**

EXIM CONS AND TECH.,JSC

Website: [www.exim.com.vn](http://www.exim.com.vn) - Mobile: 0972.181.589 - Email: [exim.com.vn@gmail.com](mailto:exim.com.vn@gmail.com)